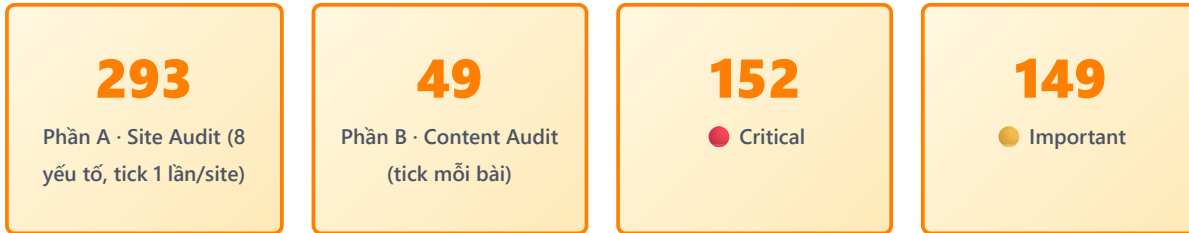


Audit Website 2026

Master Checklist



Tier Legend (tick theo thứ tự ưu tiên)

- **Critical:** fix tuần này — blocker rank Google + legal exposure EAA/PDPD/GDPR
- **Important:** fix trong 30 ngày — growth velocity + AI citation rate + conversion impact
- **Recommended:** nice-to-have — enterprise maturity + edge cases + future-proof

<https://ongboit.com>

Mục lục

Checklist chia 2 phần. Phần A — Site Audit (293 check / 8 yếu tố site-level): tick 1 lần cho cả site (Technical, CWV, A11y, Security, GEO, Backlinks, Brand, Analytics). **Phần B — Content Audit** (49 check): tick lặp lại cho TỪNG bài viết. Cấu trúc: Hướng dẫn → Phần A (8 yếu tố + Critical 25 + Quick Win 25) → Phần B (Content per-article) → Action steps + CTA.

- 1 **Cover + Stats Overview**
.....
- 2 **Mục lục (trang này)**
.....
- 3 **Cách dùng Master Checklist + Audit cadence**
.....
- 4 **Phần A · Yếu tố 1: Technical SEO**
.....
- 15 **Phần A · Yếu tố 2: Core Web Vitals**
.....
- 25 **Phần A · Yếu tố 3: Accessibility WCAG 2.2 + EAA**
.....
- 34 **Phần A · Yếu tố 4: Security + GDPR + PDPD**
.....
- 42 **Phần A · Yếu tố 5: GEO + AI Search**
.....
- 50 **Phần A · Yếu tố 6: Backlinks**
.....
- 57 **Phần A · Yếu tố 7: Brand Authority**
.....
- 64 **Phần A · Yếu tố 8: Analytics + Conversion**
.....
- 70 **Critical 25 Entry Point**
.....
- 72 **Quick Win Top 25**
.....
- 75 **Phần B · Content Audit (49 check, per-article)**
.....
- 85 **Action steps + Kit CTA + Meta**
.....

Cách dùng Master Checklist

1. Format mỗi check (3 thành phần)

- [N] Title như câu hỏi? + Tier badge (● / ● / ●) + thanh màu trái row
- 💡 *Tại sao*: Lý do quan trọng — đọc trước khi quyết priority
- ✅ *Cách check*: Browser-first method + CLI fallback cho tech reader

Mỗi row có cột để tick + cột **Notes** 28mm cho ghi chú (URL fail, screenshot link, owner, deadline).

2. Audit cadence theo site maturity

Site size	Quick (1 buổi)	Full audit	Cadence
< 10K user/tháng	Critical 25 entry point	293 site + 49/bài	Quarterly
10K-100K	Critical 25 + Quick Win 25	293 site + 49/bài	Monthly
> 100K	Critical 25 weekly + RUM realtime	293 site + 49/bài	Weekly
Agency 5-25 client	Per-client Critical 25 monthly	293 site + 49/bài	Per-client quarterly + cross-site cannibal weekly



YẾU TỐ 1 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

Technical SEO

Robots + Sitemap + Schema + AI Crawler

69

check

29

 Critical

31

 Important

9

 Recommended

6 SUB-SECTION:

- 1.1 Foundation: Robots + Sitemap + Canonical (1-16)
- 1.2 Indexability + Crawl Errors (17-31)
- 1.3 Schema Markup (v30 + AI parsing) (32-46)
- 1.4 Hreflang + Internationalization (47-54)
- 1.5 AI Crawlers + llms.txt + Server Health (55-65)
- 1.6 Advanced: Log Analysis + Crawl Depth + Render Crawlability (66-69)

1.1 Foundation: Robots + Sitemap + Canonical (1-16 — 16 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	Site có file robots.txt không? ⚡ Tại sao: robots.txt cho phép/cấm bot crawl từng folder. Không có file = Google + AI bot crawl bừa, miss page quan trọng hoặc tốn budget vào page rác. ✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/robots.txt</code> trên browser → phải hiển thị text content. Hoặc terminal: <code>curl -sI yoursite.com/robots.txt</code> → HTTP 200.	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	robots.txt có lỗi cú pháp không? ⚡ Tại sao: Cú pháp sai = bot ignore toàn file, default allow mọi thứ → tệ nhất là leak admin page. ✅ Cách check: Paste content file vào [Google robots.txt tester] (https://www.google.com/webmasters/tools/robots-testing-tool) → 0 errors.	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	Có khai báo rule rõ ràng cho 6 bot quan trọng không? ⚡ Tại sao: Default <code>User-agent: *</code> rules áp dụng cho cả AI bot 2026. Khai báo rõ Googlebot, Bingbot, GPTBot, ClaudeBot, PerplexityBot, CCBot mới control được training vs retrieval bot. ✅ Cách check: Mở file robots.txt, dùng Ctrl+F tìm tên từng bot → có rule <code>User-agent: GPTBot</code> etc.	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	File CSS/JS có bị block trong robots.txt không? ⚡ Tại sao: Google cần render page như browser. Block CSS/JS = Google thấy page broken → giảm rank. ✅ Cách check: Mở robots.txt, không được có <code>Disallow: /wp-content/themes/</code> , <code>Disallow: *.css</code> , <code>Disallow: *.js</code> .	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	sitemap.xml có được khai báo trong robots.txt không? ⚡ Tại sao: Google tìm sitemap qua dòng <code>Sitemap:</code> trong robots.txt. Không khai báo = Google chậm discover URL mới. ✅ Cách check: Mở robots.txt → tìm dòng <code>Sitemap: https://yoursite.com/sitemap.xml</code> .	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	sitemap.xml có truy cập được không? ⚡ Tại sao: URL khai báo trong robots.txt phải reachable. Sitemap 404 = Google không có map crawl site. ✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/sitemap.xml</code> trên browser → phải hiển thị XML content. Không 404, không redirect.	<input type="checkbox"/>	
[7]	●	sitemap.xml có hợp lệ XML schema không? ⚡ Tại sao: Sitemap broken XML = Google parse fail → bỏ qua mọi URL trong sitemap. ✅ Cách check: Paste URL sitemap vào [xml-sitemaps validator](https://www.xml-sitemaps.com/validate-xml-sitemap.html) → 0 errors.	<input type="checkbox"/>	
[8]	●	Mỗi URL trong sitemap có <lastmod> không? ⚡ Tại sao: <lastmod> cho Google biết khi nào page update, ưu tiên re-crawl content mới. ✅ Cách check: Mở sitemap.xml, scroll xuống vài URL → mỗi <url> block có <lastmod>2026-05-30</lastmod> style.	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[9]	●	Sitemap có ít hơn 50,000 URL không? <p>💡 Tại sao: Google chỉ accept sitemap ≤ 50k URL hoặc 50MB. Quá thì phải tách thành sitemap index.</p> <p>✅ Cách check: Mở sitemap.xml, Ctrl+End scroll xuống cuối, đếm số <code><url></code> block (Ctrl+F "<code><url></code>" count).</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	Site lớn (>50k URL) có dùng sitemap index không? <p>💡 Tại sao: Sitemap index = file <code><sitemapindex></code> link tới nhiều sitemap nhỏ. Cần thiết cho site e-commerce, news, programmatic SEO.</p> <p>✅ Cách check: Nếu site bạn >50k URL, mở sitemap → top-level element phải là <code><sitemapindex></code> không phải <code><urlset></code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[11]	●	Mọi page có canonical tag không? <p>💡 Tại sao: Canonical bảo Google "đây là URL chính của content này", tránh duplicate authority bị split.</p> <p>✅ Cách check: Mở bất kỳ page nào, View Source (Ctrl+U), Ctrl+F tìm <code>canonical</code> → phải có <code><link rel="canonical" href="..."></code> trong <code><head></code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	Canonical có tự trỏ về URL hiện tại không? <p>💡 Tại sao: Self-referencing canonical = signal mạnh cho Google. Canonical trỏ sai URL = Google index URL khác.</p> <p>✅ Cách check: Mở page, View Source, tìm canonical → href value phải match URL hiện tại trên browser (hoặc preferred version nếu page là duplicate).</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	Page có meta robots tag không? <p>💡 Tại sao: Default Google index mọi page found. Meta robots cho phép control granular per page (vd: page tag archive nên <code>noindex</code>).</p> <p>✅ Cách check: View Source page → có <code><meta name="robots" content="index,follow"></code> hoặc absent (= default index,follow OK).</p>	<input type="checkbox"/>	
[14]	●	X-Robots-Tag HTTP header có conflict với meta robots không? <p>💡 Tại sao: Server có thể set X-Robots-Tag override meta tag. Conflict = bot confused, không biết nghe ai.</p> <p>✅ Cách check: Terminal: <code>curl -I yoursite.com/page</code> → check header <code>X-Robots-Tag</code> (nếu có) không được conflict với <code><meta name="robots"></code> trong HTML.</p>	<input type="checkbox"/>	
[15]	●	Page quan trọng có bị noindex vô tình không? <p>💡 Tại sao: <code>noindex</code> cấm Google index page → mất hết organic traffic. Lỗi rất hay gặp khi deploy production từ staging.</p> <p>✅ Cách check: View Source homepage + top 10 page → Ctrl+F <code>noindex</code> → không tìm thấy.</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	Pagination dùng rel="next" / rel="prev" hoặc self-canonicals? <p>💡 Tại sao: Post-2019 Google không còn dùng rel=next/prev nhưng vẫn hiểu. Pattern khác là self-canonical mỗi paginated page.</p> <p>✅ Cách check: Mở page 2 của blog (yoursite.com/blog/page/2/), View Source → có 1 trong 2: <code><link rel="next"></code> hoặc <code><link rel="canonical" href="self URL"></code>.</p>	<input type="checkbox"/>	

1.2 Indexability + Crawl Errors (17-31 — 15 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[17]	●	<p>Site đã verify với Google Search Console chưa?</p> <p>💡 Tại sao: GSC là kênh duy nhất biết Google thực sự nghĩ gì về site bạn (index status, crawl errors, ranking queries). Không có GSC = audit blind.</p> <p>✅ Cách check: Login [search.google.com/search-console] (https://search.google.com/search-console) → site bạn hiển thị trong dropdown property + có data 28-day window.</p>	<input type="checkbox"/>	
[18]	●	<p>Site đã verify với Bing Webmaster Tools chưa?</p> <p>💡 Tại sao: Bing chiếm 5-10% search Việt Nam + powering ChatGPT Search. Bỏ qua = mất truth data từ 2 engine.</p> <p>✅ Cách check: Login [bing.com/webmasters](https://www.bing.com/webmasters) → site bạn verified, có thể import từ GSC trong 30 giây.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>Có page quan trọng nào bị noindex không?</p> <p>💡 Tại sao: noindex cấm Google index page → mất tất cả organic traffic. Hay xảy ra với plugin SEO settings nhầm.</p> <p>✅ Cách check: GSC → Coverage report → tab "Excluded" → tìm reason "Excluded by 'noindex' tag". 0 page quan trọng trong list.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>Crawl errors trong GSC có dưới 5% không?</p> <p>💡 Tại sao: > 5% = Google tốn budget vào URL chết, miss URL mới. Crawl errors tăng dần báo hiệu site issue nghiêm trọng.</p> <p>✅ Cách check: GSC → Coverage → đếm "Error" count / "Valid" count → tỉ lệ < 5%.</p>	<input type="checkbox"/>	
[21]	●	<p>Có soft 404 nào GSC báo không?</p> <p>💡 Tại sao: Soft 404 = page trả HTTP 200 nhưng content giống "not found" (empty search result, etc.). Google rất ghét vì tốn crawl budget.</p> <p>✅ Cách check: GSC → Coverage → tab "Excluded" → tìm "Soft 404". Báo cáo = 0.</p>	<input type="checkbox"/>	
[22]	●	<p>Tất cả redirect dùng 301 (permanent) không phải 302?</p> <p>💡 Tại sao: 301 = permanent, transfer ranking signal. 302 = temporary, không transfer. Dùng 302 sai = mất ranking khi URL đổi.</p> <p>✅ Cách check: Mở httpstatus.io, paste URL cũ → expect HTTP 301 với Location header trỏ URL mới.</p>	<input type="checkbox"/>	
[23]	●	<p>Có redirect chain dài hơn 2 hop không?</p> <p>💡 Tại sao: Mỗi hop tốn crawl budget + chậm trang. URL A → B → C → D = 3 hop, Google có thể bỏ crawl giữa chừng.</p> <p>✅ Cách check: Paste URL vào httpstatus.io → trace chain → ≤ 2 hop từ start đến final URL.</p>	<input type="checkbox"/>	
[24]	●	<p>Có redirect loop nào không?</p> <p>💡 Tại sao: Loop (A → B → A) = Google bỏ crawl ngay, browser hiện "ERR_TOO_MANY_REDIRECTS". Lỗi tệ nhất.</p> <p>✅ Cách check: Mở URL trên browser, không gặp lỗi "too many redirects". Hoặc httpstatus.io → không cycle.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[25]	●	<p>HTTPS redirect từ HTTP có work bằng 301 không?</p> <p>💡 Tại sao: HTTP không secure, Google ranking signal Critical. HTTP phải 301 lên HTTPS để consolidate authority.</p> <p>✅ Cách check: Mở http://yoursite.com (cố tình HTTP) → browser tự redirect sang https://. Hoặc terminal: <code>curl -I http://yoursite.com</code> → 301.</p>	<input type="checkbox"/>	
[26]	●	<p>www và non-www có consistent không?</p> <p>💡 Tại sao: yoursite.com và www.yoursite.com là 2 URL khác Google. Phải chọn 1 preferred, version kia 301 redirect.</p> <p>✅ Cách check: Mở www.yoursite.com → tự redirect sang yoursite.com (hoặc ngược lại, consistent direction).</p>	<input type="checkbox"/>	
[27]	●	<p>Trailing slash (/page vs /page/) có consistent không?</p> <p>💡 Tại sao: 2 version trailing slash = duplicate content potential, Google split authority.</p> <p>✅ Cách check: Mở URL không slash /page → tự redirect sang version có slash /page/ (hoặc ngược lại). 1 version canonical, version kia 301.</p>	<input type="checkbox"/>	
[28]	●	<p>URL viết hoa và thường có consistent không?</p> <p>💡 Tại sao: /Page và /page là 2 URL khác Google (Linux server). Tốt nhất canonical lowercase.</p> <p>✅ Cách check: Mở /PAGE (viết hoa cố tình) → tự redirect sang /page lowercase.</p>	<input type="checkbox"/>	
[29]	●	<p>Broken internal link có dưới 0.5% không?</p> <p>💡 Tại sao: Internal link 404 tổn crawl budget + bad UX. > 0.5% báo hiệu site bị neglect.</p> <p>✅ Cách check: Dùng tool free [Broken Link Checker] (https://www.brokenlinkcheck.com/) → tỉ lệ 4xx internal < 0.5% total.</p>	<input type="checkbox"/>	
[30]	●	<p>Broken external link đã flag + replace chưa?</p> <p>💡 Tại sao: Link tới external site chết = signal site bạn out-of-date. Cần audit định kỳ.</p> <p>✅ Cách check: Cùng tool Broken Link Checker → kiểm tra "External" tab → 4xx < 1%, broken link replace hoặc remove.</p>	<input type="checkbox"/>	
[31]	●	<p>Mobile và desktop có cùng content không (mobile-first index)?</p> <p>💡 Tại sao: Google chỉ crawl mobile version từ 2021. Nếu mobile thiếu content/schema vs desktop = Google nghĩ site thin content.</p> <p>✅ Cách check: Mở page trên DevTools (F12) → toggle Mobile view → content + schema markup giống hệt desktop view.</p>	<input type="checkbox"/>	

1.3 Schema Markup (v30 + AI parsing) (32-46 — 15 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[32]	●	<p>Homepage có Organization schema không?</p> <p>💡 Tại sao: Organization schema cho Google + AI engine biết "đây là company/brand gì". Không có = AI engine không disambiguate được brand bạn vs brand khác cùng tên.</p> <p>✅ Cách check: Mở [Rich Results Test](https://search.google.com/test/rich-results), paste homepage URL → phải thấy "Organization" detected với <code>name</code>, <code>logo</code>, <code>sameAs</code> populated.</p>	<input type="checkbox"/>	
[33]	●	<p>Có WebSite schema kèm SearchAction không?</p> <p>💡 Tại sao: SearchAction cho phép Google show "sitelinks search box" trong SERP (user search trực tiếp từ result).</p> <p>✅ Cách check: Rich Results Test → tab "Detected items" → thấy <code>WebSite</code> + <code>potentialAction</code> của type SearchAction.</p>	<input type="checkbox"/>	
[34]	●	<p>Mọi non-home page có BreadcrumbList schema không?</p> <p>💡 Tại sao: Breadcrumb trong SERP tăng click-through. Kèm theo AI engine dùng để hiểu site hierarchy.</p> <p>✅ Cách check: Mở 1 page sâu (yoursite.com/blog/post-slug), Rich Results Test → BreadcrumbList detected với <code>itemListElement</code> có position + name + item.</p>	<input type="checkbox"/>	
[35]	●	<p>Blog post có Article schema không?</p> <p>💡 Tại sao: Article schema giúp Google show snippet rich + AI Overview pull answer. Thiếu = bài blog mất eligibility cho rich SERP.</p> <p>✅ Cách check: Rich Results Test trên 1 blog post URL → "Article" detected với <code>author</code>, <code>datePublished</code>, <code>dateModified</code>, <code>image</code> đầy đủ.</p>	<input type="checkbox"/>	
[36]	●	<p>Author schema có phải Person hoặc Organization (không phải string)?</p> <p>💡 Tại sao: <code>"author": "Admin"</code> (string) = generic, AI không trust. <code>"author": {"@type": "Person", "name": "Tên Tác Giả"}</code> = entity rõ ràng.</p> <p>✅ Cách check: View Source bài blog, tìm block <code>application/ld+json</code> → author là object có <code>@type</code> = "Person" hoặc "Organization".</p>	<input type="checkbox"/>	
[37]	●	<p>Author có sameAs links tới external profiles không?</p> <p>💡 Tại sao: sameAs (LinkedIn, X, Wikipedia) là entity disambiguation signal mạnh nhất cho E-E-A-T.</p> <p>✅ Cách check: View Source → author object có <code>sameAs</code>: <code>["https://linkedin.com/in/...", "https://x.com/..."]</code> với ≥ 2 URL.</p>	<input type="checkbox"/>	
[38]	●	<p>Site e-commerce có Product schema kèm offers + rating không?</p> <p>💡 Tại sao: Product schema unlock rich snippet trong SERP (giá, rating, stock). Skip nếu site không bán hàng.</p> <p>✅ Cách check: Rich Results Test trên product page → Product type với <code>offers</code> (price + availability), <code>aggregateRating</code>, <code>review</code> populated.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[39]	●	<p>Page có FAQ section trong HTML có FAQPage schema không?</p> <p>💡 Tại sao: FAQPage [deprecated 2026-05-07 cho Google SERP rich result] (https://searchengineland.com/google-to-no-longer-support-faq-rich-results-476957) NHƯNG ChatGPT, Perplexity, Claude AI Mode vẫn đọc để pull answer.</p> <p>✅ Cách check: View Source page có FAQ → tìm "@type": "FAQPage" trong JSON-LD block, kèm mainEntity array các Q&A.</p>	<input type="checkbox"/>	
[40]	●	<p>Article có Speakable schema không?</p> <p>💡 Tại sao: Speakable đánh dấu paragraph quan trọng cho voice assistant (Siri, Google Assistant) + AI Mode đọc voice.</p> <p>✅ Cách check: View Source bài blog → tìm "speakable" property với cssSelector trỏ tới các paragraph chính.</p>	<input type="checkbox"/>	
[41]	●	<p>Local business có LocalBusiness schema không?</p> <p>💡 Tại sao: Cần thiết cho Google Map ranking + local pack. Skip nếu site không có physical location.</p> <p>✅ Cách check: View Source homepage → "@type": "LocalBusiness" với address + telephone populated.</p>	<input type="checkbox"/>	
[42]	●	<p>Hub page có [SignificantLink property] (https://schema.org/significantLink) không?</p> <p>💡 Tại sao: SignificantLink mới (Schema.org v30) đánh dấu URL quan trọng cho AI agent navigate efficient.</p> <p>✅ Cách check: View Source homepage hoặc hub page → tìm "significantLink" property trỏ tới 3-5 URL top-tier (pricing, about, top product).</p>	<input type="checkbox"/>	
[43]	●	<p>Schema có compliance với spec v30 mới nhất không?</p> <p>💡 Tại sao: [Schema.org v30 stable 2026-03-19] (https://schema.org/docs/releases.html). Spec cũ dùng deprecated property = mất rich result eligibility.</p> <p>✅ Cách check: Paste page URL vào [Schema.org validator] (https://validator.schema.org/) → 0 deprecated property warnings.</p>	<input type="checkbox"/>	
[44]	●	<p>Google Rich Results Test pass với 0 errors không?</p> <p>💡 Tại sao: Tool chính thức Google. Error = Google không hiểu schema → không show rich result.</p> <p>✅ Cách check: [Rich Results Test](https://search.google.com/test/rich-results) cho homepage + 3 sample page (1 product, 1 blog, 1 hub) → mỗi page 0 errors.</p>	<input type="checkbox"/>	
[45]	●	<p>Schema dùng format JSON-LD không (không Microdata/RDFa)?</p> <p>💡 Tại sao: Google explicit prefer JSON-LD. Microdata/RDFa inline trong HTML lỗi thời + khó maintain.</p> <p>✅ Cách check: View Source → schema phải trong block <code><script type="application/ld+json"></code>, không inline <code>itemtype=</code>, <code>vocab=</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[46]	●	<p>Schema có nằm trong <head> hoặc đầu <body> không?</p> <p>💡 Tại sao: Google crawler đọc top-down. Schema cuối page = Google có thể crawl không tới + ignore.</p> <p>✅ Cách check: View Source → schema block xuất hiện trong khoảng 2000 ký tự đầu của HTML (trước hết <main> content).</p>	<input type="checkbox"/>	

1.4 Hreflang + Internationalization (47-54 — 8 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[47]	●	<p>Mọi multi-language page có hreflang tag không?</p> <p>💡 Tại sao: hreflang bảo Google "page này có version ngôn ngữ X tại URL Y". Thiếu = Google serve sai language version cho user.</p> <p>✅ Cách check: View Source page → tìm <code><link rel="alternate" hreflang="vi" href="..."></code> cho mỗi language version có sẵn.</p>	<input type="checkbox"/>	
[48]	●	<p>hreflang có cover hết tất cả language/region combos không?</p> <p>💡 Tại sao: Site có VN + EN + US thì cả 3 hreflang phải khai báo trên cả 3 version, không thiếu chiều nào.</p> <p>✅ Cách check: View Source mỗi version → đếm số hreflang tag = số language version site có (vd: 3 lang = 3 hreflang per page).</p>	<input type="checkbox"/>	
[49]	●	<p>hreflang return links có bidirectional không?</p> <p>💡 Tại sao: Page VN trở EN nhưng EN không trở ngược VN = Google ignore hreflang.</p> <p>✅ Cách check: Dùng [hreflang checker tool] (https://www.aleydasolis.com/english/international-seo-tools/hreflang-tags-generator/) → paste URLs → tool verify bidirectional.</p>	<input type="checkbox"/>	
[50]	●	<p>Có x-default hreflang cho fallback không?</p> <p>💡 Tại sao: User vào site với ngôn ngữ không match (vd: Pháp khi site có VN + EN) → x-default specify version fallback.</p> <p>✅ Cách check: View Source → 1 page có <code><link rel="alternate" hreflang="x-default" href="..."></code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[51]	●	<p><html> có lang attribute đúng không?</p> <p>💡 Tại sao: <code><html lang="vi"></code> cho browser + bot biết ngôn ngữ chính của page. Default missing = bot guess sai.</p> <p>✅ Cách check: View Source dòng đầu HTML → <code><html lang="vi"></code> (site VN) hoặc <code><html lang="en"></code> (site EN). Match content language.</p>	<input type="checkbox"/>	
[52]	●	<p>Currency, date, number format có localized không?</p> <p>💡 Tại sao: UX signal cho user trust. Site VN show "\$100 USD 12/31/2025" = user bị confused.</p> <p>✅ Cách check: Browse site → site VN phải show "100,000 VND" + "31/12/2025"; site EN show "\$100 USD" + "12/31/2025".</p>	<input type="checkbox"/>	
[53]	●	<p>ccTLD / subdomain / subfolder strategy có consistent không?</p> <p>💡 Tại sao: 3 lựa chọn (<code>yoursite.vn</code> ccTLD vs <code>vn.yoursite.com</code> subdomain vs <code>yoursite.com/vi/</code> subfolder). Mix = Google confused về authority.</p> <p>✅ Cách check: Browse các language version → mỗi version dùng 1 strategy nhất quán, không mix.</p>	<input type="checkbox"/>	
[54]	●	<p>GSC Geotargeting có set cho mỗi property không?</p> <p>💡 Tại sao: Cho strategy subdomain/subfolder, GSC cần biết property nào target country nào.</p> <p>✅ Cách check: GSC → mỗi property → Legacy tools → International Targeting → tab Country → "target users in [country]" set đúng.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> 1.5 AI Crawlers + llms.txt + Server Health (55-65 — 11 check) </div>				
[55]	●	<p>robots.txt có rule explicit cho cả 10 AI bot 2026 không?</p> <p>💡 Tại sao: Default <code>User-agent: *</code> áp dụng cho mọi bot, không control được training vs retrieval. Pattern publisher lớn (NYT, Reuters, WSJ): block training (GPTBot, ClaudeBot, CCBot, Google-Extended) + allow retrieval (OAI-SearchBot, Claude-User, Claude-SearchBot, PerplexityBot, Applebot, BingPreview).</p> <p>✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/robots.txt</code>, Ctrl+F tìm tên từng bot trong 10 bot trên → mỗi bot có rule riêng (Allow hoặc Disallow), không rơi vào default.</p>	<input type="checkbox"/>	
[56]	●	<p>Site có file llms.txt ở root không?</p> <p>💡 Tại sao: File Markdown đề xuất 2024 cho AI bot (llmstxt.org), giống robots.txt nhưng dành cho LLM. List top 20-30 page quan trọng. AI crawler dùng để crawl efficient thay vì brute-force.</p> <p>✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/llms.txt</code> trên browser → phải hiển thị content Markdown (không 404).</p>	<input type="checkbox"/>	
[57]	●	<p>Có llms-full.txt companion file không?</p> <p>💡 Tại sao: llms-full.txt là version chi tiết của llms.txt, full content map cho AI crawler crawl deeper.</p> <p>✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/llms-full.txt</code> trên browser → HTTP 200, không 404.</p>	<input type="checkbox"/>	
[58]	●	<p>Có WebMCP action manifest không?</p> <p>💡 Tại sao: [Google Feb 2026 preview](https://12amagency.com/blog/schema-markup-in-2026/) cho phép site declare permitted actions cho AI agent (vd: add to cart, subscribe). Chưa stable, defer 6-12 tháng nếu chưa sẵn sàng.</p> <p>✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/mcp.json</code> trên browser → nếu site đã implement, file hiển thị JSON manifest; nếu chưa thì skip (chưa mandatory).</p>	<input type="checkbox"/>	
[59]	●	<p>Server log có 5xx errors dưới 0.1% không?</p> <p>💡 Tại sao: 5xx = server error, bot bỏ crawl URL đó. Tăng dần báo hiệu server unstable.</p> <p>✅ Cách check: Hosting provider dashboard hoặc Cloudflare Analytics → tab "Errors" → 5xx rate 7-day < 0.1% total request.</p>	<input type="checkbox"/>	
[60]	●	<p>Site infinite scroll có paginated alternative cho bot không?</p> <p>💡 Tại sao: Bot không scroll như user. Infinite scroll = bot chỉ thấy 10-20 item đầu, miss content còn lại.</p> <p>✅ Cách check: Nếu site dùng infinite scroll, mở <code>yoursite.com/?page=2</code> → phải work + show content page 2 (URL parameter alternative).</p>	<input type="checkbox"/>	
[61]	●	<p>Page render bằng JavaScript có SSR/prerender cho bot không?</p> <p>💡 Tại sao: Google partial render JS nhưng AI bot (GPTBot, ClaudeBot) thường không execute. SPA không SSR = bot thấy empty page.</p> <p>✅ Cách check: View Source page (Ctrl+U) → thấy actual content trong HTML, không phải <code><div id="root"></div></code> rỗng.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[62]	●	<p>CSS/JS files có bị block trong robots.txt không?</p> <p>💡 Tại sao: Google cần render page với CSS+JS. Block = Google thấy page broken layout → giảm rank (duplicate check #4 nhưng critical re-emphasis).</p> <p>✅ Cách check: Mở robots.txt → không có <code>Disallow: *.css</code>, <code>Disallow: *.js</code>, <code>Disallow: /wp-content/themes/</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[63]	●	<p>Page có mixed content warnings không?</p> <p>💡 Tại sao: Page HTTPS load resource HTTP (image, script) = browser block + bot warning. UX bad + SEO penalty.</p> <p>✅ Cách check: Mở page → F12 DevTools → tab Console → không có "Mixed Content" warnings màu vàng.</p>	<input type="checkbox"/>	
[64]	●	<p>Có render-blocking resource above the fold không?</p> <p>💡 Tại sao: CSS/JS block render = LCP chậm = fail Core Web Vitals.</p> <p>✅ Cách check: Paste URL vào [PageSpeed Insights](https://pagespeed.web.dev/) → mục "Diagnostics" → audit "Eliminate render-blocking resources" phải pass (không warning).</p>	<input type="checkbox"/>	
[65]	●	<p>Site có favicon.ico không?</p> <p>💡 Tại sao: Favicon = trust signal nhỏ, brand recognition trong tab browser + SERP. Missing = unprofessional impression.</p> <p>✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/favicon.ico</code> trên browser → file image hiển thị (không 404).</p>	<input type="checkbox"/>	

1.6 Advanced: Log Analysis + Crawl Depth + Render Crawlability (66-69 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[66]	●	<p>robots.txt vs noindex dùng đúng cơ chế chưa?</p> <p>💡 Tại sao: Disallow trong robots.txt KHÔNG phải cơ chế chặn index (Google nói rõ). Muốn chặn index phải dùng noindex; và page noindex KHÔNG được đồng thời bị Disallow, nếu không bot không đọc được thẻ noindex.</p> <p>✅ Cách check: Page muốn ẩn khỏi index: dùng <code>noindex</code> meta, KHÔNG Disallow. Đảm bảo page noindex không bị robots.txt chặn để bot đọc được thẻ.</p>	<input type="checkbox"/>	
[67]	●	<p>Pagination + related links dùng <a href> crawlable, không button-only?</p> <p>💡 Tại sao: Pagination/category/related-content phải dùng anchor <a href> chuẩn. Google không click <button> khi crawl pagination/load-more, dùng button-only thì bot không theo được link.</p> <p>✅ Cách check: View source pagination + related module: phải là <a href> không phải <button>. SSR cho route quan trọng, structured data trong HTML render đầu.</p>	<input type="checkbox"/>	
[68]	●	<p>Đã phân tích server log xem Googlebot thực sự crawl URL nào?</p> <p>💡 Tại sao: Log-file analysis cho thấy URL nào Googlebot THỰC SỰ crawl, không chỉ cái sitemap khai. Đây là ranh giới audit senior vs junior.</p> <p>✅ Cách check: Export server/Cloudflare log, filter user-agent Googlebot, đối chiếu URL crawl thật vs URL quan trọng trong sitemap, phát hiện page quan trọng không được crawl.</p>	<input type="checkbox"/>	
[69]	●	<p>Crawl depth của page quan trọng dưới 3 click từ homepage?</p> <p>💡 Tại sao: Bài cách homepage hơn 3 click thì authority loãng, bot crawl thừa, orphan ngầm. Cần check crawl depth riêng ngoài orphan detection.</p> <p>✅ Cách check: Screaming Frog cột Crawl Depth: page quan trọng tối đa 3. Page sâu hơn thì thêm internal link từ page nông hơn.</p>	<input type="checkbox"/>	



YẾU TỐ 2 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

Core Web Vitals

LCP + INP <200ms + CLS + Field Data

41

check

18

● Critical

17

● Important

6

● Recommended

6 SUB-SECTION:

1. 2.1 LCP Audit (Server + Asset + Render) (1-10)
2. 2.2 INP Audit (Main-Thread + Long-Task) (11-20)
3. 2.3 CLS Audit (Dimensions + Font + Dynamic) (21-28)
4. 2.4 Resource Delivery (CSS Critical + Preload) (29-33)
5. 2.5 Field Data + RUM (CrUX + GSC) (34-38)
6. 2.6 Advanced Debugging + CI Regression Gate (39-41)

2.1 LCP Audit (Server + Asset + Render) (1-10 — 10 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>LCP p75 mobile < 2.5s ở CrUX field data?</p> <p>💡 Tại sao: đây là threshold chính thức Google công nhận PASS. Lab score Lighthouse không thay thế được vì sample population khác (CrUX = user thật, Lighthouse = dev machine).</p> <p>✅ Cách check: Mở pagespeed.web.dev, nhập URL → scroll xuống section "Discover what your real users are experiencing" → xem LCP p75. Nếu chưa đủ data: GSC > Core Web Vitals report cho aggregate.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>Hero image có <link rel="preload"> ưu tiên cao?</p> <p>💡 Tại sao: hero image thường là LCP element. Không preload → browser phải đợi parse HTML xong mới fetch, mất 200-500ms.</p> <p>✅ Cách check: View source page, tìm <link rel="preload" as="image" href="hero.webp" fetchpriority="high"> trong <head>. Hoặc terminal: <code>curl -s yoursite.com grep -i 'rel="preload"'</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>Server response (TTFB) < 200ms p75?</p> <p>💡 Tại sao: TTFB là tầng đầu của LCP budget. TTFB 600ms = LCP rất khó đạt 2.5s vì còn render + load asset.</p> <p>✅ Cách check: Chrome DevTools > Network > document request > Timing tab > TTFB. Hoặc terminal: <code>curl -o /dev/null -s -w "TTFB: %{time_starttransfer}\n" https://yoursite.com</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>Hero image có fetchpriority="high" attribute?</p> <p>💡 Tại sao: từ 2023 browser hỗ trợ priority hint. Hero image không có <code>fetchpriority="high"</code> bị browser xếp ngang với image dưới fold → fetch chậm.</p> <p>✅ Cách check: View source, tìm . Hero phải có <code>fetchpriority="high"</code>, ảnh dưới fold dùng <code>loading="lazy"</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	<p>Hero image format WebP/AVIF size < 200KB?</p> <p>💡 Tại sao: JPG/PNG hero 800KB+ tốn 2-3s download trên 4G. WebP/AVIF size giảm 30-50% cùng quality.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Network > Image tab > xem size cột "Size". Hoặc terminal: <code>curl -sI https://yoursite.com/hero.webp grep -i content-length</code>. Cần < 200KB.</p>	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	<p>CDN serving hero image với edge cache?</p> <p>💡 Tại sao: hero load từ origin Hà Nội đến user TP.HCM mất 80-120ms latency. CDN edge cache giảm xuống 10-30ms.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Network > hero image > Response Headers > tìm <code>cf-cache-status: HIT</code> (Cloudflare), <code>x-cache: HIT</code> (KeyCDN), hoặc <code>age: > 0</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[7]	●	<p>HTML response không bị render-blocked CSS/JS?</p> <p>💡 Tại sao: render-blocking resources làm browser phải đợi parse xong mới render LCP. Block 3-4 file CSS/JS = thêm 500-800ms.</p> <p>✅ Cách check: [PageSpeed Insights](https://pagespeed.web.dev) > xem section "Eliminate render-blocking resources" trong Diagnostics. Mục tiêu 0 render-blocking ngoài critical CSS.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[8]	●	<p>Critical CSS inline trong <head> < 14KB?</p> <p>💡 Tại sao: 14KB là TCP initial congestion window. Critical CSS lớn hơn = tốn thêm round-trip TCP, kéo LCP chậm.</p> <p>✅ Cách check: View source, tìm <style>...</style> trong <head>. Đếm size: <code>curl -s yoursite.com grep -oP '(?s)<style>.*?</style>' wc -c</code> (cần < 14000).</p>	<input type="checkbox"/>	
[9]	●	<p>HTTP/2 hoặc HTTP/3 enabled?</p> <p>💡 Tại sao: HTTP/1.1 chỉ cho phép 6 connection song song mỗi domain → asset stack pile up. HTTP/2 multiplex unlimited stream, HTTP/3 thêm UDP fast handshake.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Network > Protocol column → phải là <code>h2</code> hoặc <code>h3</code>. Hoặc terminal: <code>curl -sI --http2 https://yoursite.com head -1</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	<p>Brotli compression enabled cho text response?</p> <p>💡 Tại sao: Brotli compression nén HTML/CSS/JS 20% tốt hơn Gzip. Tiết kiệm 50-100KB cho page average, giảm 200-400ms trên 4G.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Network > document request > Response Headers > tìm <code>content-encoding: br</code>. Nếu <code>gzip</code> = chưa optimal.</p>	<input type="checkbox"/>	

2.2 INP Audit (Main-Thread + Long-Task)

(11-20 — 10 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[11]	●	<p>INP p75 mobile < 200ms ở CrUX field data?</p> <p>💡 Tại sao: 43% mobile site fail check này theo CrUX 2026 Q1. Đây là metric Google ưu tiên fix cao nhất 2026 vì replace FID.</p> <p>✅ Cách check: pagespeed.web.dev > section "Discover what your real users are experiencing" > INP. Hoặc GSC > Core Web Vitals report > Mobile.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	<p>Long task < 50ms ở main thread budget?</p> <p>💡 Tại sao: task > 50ms block main thread, user tap vào không có ai xử lý. Long task 200ms+ = INP fail ngay.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Performance tab > record interaction → xem task ô đồ "Long Task". Tìm task group > 50ms để optimize.</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	<p>JS bundle initial < 300KB gzipped?</p> <p>💡 Tại sao: parse + execute 500KB JS mất 500-800ms trên mobile mid-tier. Browser block input trong thời gian đó.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Network > filter JS > xem size cột "Size" (compressed). Sum total initial < 300KB. Hoặc dùng webpack-bundle-analyzer cho Next.js / Vite.</p>	<input type="checkbox"/>	
[14]	●	<p>3rd-party widget (chat, analytics) defer load?</p> <p>💡 Tại sao: widget chat / Hotjar / Facebook Pixel load sync chiếm 100-300ms main thread mỗi cái. 5 widget = 500ms-1.5s block.</p> <p>✅ Cách check: View source, tìm <code><script src="3rd-party.js" defer></code> hoặc dynamic load sau <code>window.load</code>. Nếu thấy <code><script src=...></code> không <code>defer/async</code> = sync, block render.</p>	<input type="checkbox"/>	
[15]	●	<p>React/Vue hydration time < 100ms?</p> <p>💡 Tại sao: SSR app gửi HTML thẳng nhưng hydration phải re-attach event handler. Hydration > 100ms = user tap vào button thấy không phản hồi.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Performance > tìm long task ngay sau <code>DOMContentLoaded</code>. Hoặc dùng React DevTools Profiler > Commit phase.</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	<p>Image decode không block main thread?</p> <p>💡 Tại sao: PNG/JPG kích thước lớn decode trên CPU mobile mất 80-200ms, block frame paint.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Performance > tìm "Decode Image" task > 50ms. Fix: dùng WebP/AVIF (decode nhanh hơn), hoặc <code>decoding="async"</code> attribute trên <code></code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[17]	●	<p>Event handler không synchronous heavy work?</p> <p>💡 Tại sao: <code>onClick</code> chạy 200ms calculation = INP fail. Cần defer heavy work qua <code>requestIdleCallback</code> hoặc Web Worker.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Performance > record click → xem event handler task duration. > 50ms = optimize. Split work với <code>requestIdleCallback</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[18]	●	<p>CSS animation dùng GPU-accelerated property?</p> <p>💡 Tại sao: animate <code>top/left/width</code> trigger layout recalc + repaint = expensive. Animate <code>transform/opacity</code> chạy GPU, không block main thread.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Rendering > Paint flashing → xem khi animate có repaint flicker không. CSS audit: grep <code>transition:.*top\ width\ left</code> → flag.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>No <code>setTimeout(fn, 0)</code> queue stacking?</p> <p>💡 Tại sao: nhiều <code>setTimeout(fn, 0)</code> queue lên main thread, mỗi cái task riêng, tổng > 50ms.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Performance > xem group Timer task chồng nhau. Refactor sang <code>Promise.resolve().then()</code> (microtask) hoặc batch với <code>requestAnimationFrame</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>Service Worker không block install/activate?</p> <p>💡 Tại sao: SW install precache 5-10MB asset mất 1-2s block main thread của page khác đang tap.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Application > Service Workers > xem "Installing" duration. Hoặc reduce precache list, dùng runtime cache thay vì pre-cache toàn bộ.</p>	<input type="checkbox"/>	

2.3 CLS Audit (Dimensions + Font + Dynamic) (21-28 — 8 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[21]	●	<p>CLS p75 mobile < 0.1 ở CrUX field data?</p> <p>💡 Tại sao: CLS > 0.1 = user thấy layout nhảy bất ngờ → tap nhầm button, mất kiên nhẫn, bounce.</p> <p>✅ Cách check: pagespeed.web.dev > Core Web Vitals Assessment > CLS p75. Hoặc GSC > Core Web Vitals report.</p>	<input type="checkbox"/>	
[22]	●	<p>Mọi có width + height attribute?</p> <p>💡 Tại sao: browser cần dimensions để reserve space trước khi image load. Không có = image load xong push text xuống = CLS spike.</p> <p>✅ Cách check: View source → <code></code> phải có cả 2 attribute. Hoặc terminal: <code>curl -s yoursite.com grep -oP ']*>' grep -v 'width=' wc -l</code> (cần = 0).</p>	<input type="checkbox"/>	
[23]	●	<p>Video/iframe có aspect-ratio CSS?</p> <p>💡 Tại sao: YouTube embed không có aspect-ratio = container collapse rồi expand khi iframe load → CLS spike.</p> <p>✅ Cách check: Inspect element trên video container → CSS <code>aspect-ratio: 16/9</code> hoặc <code>padding-bottom: 56.25%</code> trick.</p>	<input type="checkbox"/>	
[24]	●	<p>Font swap dùng font-display: optional hoặc swap với fallback metric?</p> <p>💡 Tại sao: web font swap layout shift nếu font fallback có metric khác xa (chiều rộng/cao chữ).</p> <p>✅ Cách check: CSS <code>@font-face { font-display: swap; size-adjust: 105%; ascent-override: 90%; }</code> để match fallback metric với web font.</p>	<input type="checkbox"/>	
[25]	●	<p>Ads slot có dimensions reserved trước khi ad load?</p> <p>💡 Tại sao: Google AdSense slot không có min-height = container collapse, ad inject push content = CLS lớn.</p> <p>✅ Cách check: Inspect ad container → phải có <code>min-height: 250px</code> hoặc <code>aspect-ratio</code> matching ad slot size.</p>	<input type="checkbox"/>	
[26]	●	<p>Notification banner / cookie consent không inject mid-page?</p> <p>💡 Tại sao: banner xuất hiện sau 2s push content xuống = CLS. Phải fixed bottom/top hoặc reserve space từ đầu.</p> <p>✅ Cách check: CSS <code>position: fixed</code> hoặc <code>position: sticky</code> cho banner. Test: scroll page, banner phải overlay không push content.</p>	<input type="checkbox"/>	
[27]	●	<p>Skeleton loader có dimensions matching real content?</p> <p>💡 Tại sao: skeleton 100px height, content thật 300px = CLS khi swap. Phải match dimensions hoặc dùng aspect-ratio.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Elements > inspect skeleton + content cùng selector → height phải gần bằng nhau.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[28]	●	Dynamic content (carousel, accordion) không expand vùng visible?  Tại sao: accordion expand đẩy section dưới xuống = layout shift cho user đã scroll qua.  Cách check: CSS <code>position: absolute</code> cho expanded panel, hoặc cảnh báo "Click to expand" + scroll-to-target sau khi expand.	<input type="checkbox"/>	

2.4 Resource Delivery (CSS Critical + Preload)

(29-33 — 5 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[29]	●	<p>Critical CSS inline < 14KB trong <head> ?</p> <p>💡 Tại sao: 14KB = TCP initial congestion window. Critical CSS lớn hơn tổn round-trip TCP, kéo LCP.</p> <p>✅ Cách check: View source > <style> trong <head> size: <code>curl -s yoursite.com python -c "import sys,re; html=sys.stdin.read(); css=re.findall(r'<style>(.*)</style>', html, re.DOTALL); print(sum(len(c) for c in css), 'bytes')"</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[30]	●	<p>Preload critical font + LCP image?</p> <p>💡 Tại sao: font swap chậm vì browser fetch font sau khi parse CSS. Preload font + hero image giảm 200-400ms LCP.</p> <p>✅ Cách check: View source <head> tìm <link rel="preload" as="font" href="font.woff2" crossorigin> + <link rel="preload" as="image" href="hero.webp" fetchpriority="high">.</p>	<input type="checkbox"/>	
[31]	●	<p>Preconnect tới CDN/font domain quan trọng?</p> <p>💡 Tại sao: DNS lookup + TLS handshake với CDN khác domain mất 100-300ms. <link rel="preconnect"> warm connection trước khi cần.</p> <p>✅ Cách check: View source <head> tìm <link rel="preconnect" href="https://cdn.yoursite.com" crossorigin>. Cần cho 2-3 domain critical, không spam.</p>	<input type="checkbox"/>	
[32]	●	<p>Early Hints (HTTP 103) enabled trên server?</p> <p>💡 Tại sao: server gửi response 103 với preload hint trong khi đang generate HTML. Browser bắt đầu fetch asset sớm hơn 100-300ms.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Network > document request > Timing > "Early hints" row. Hoặc Cloudflare > Speed > Optimization > Early Hints (toggle ON).</p>	<input type="checkbox"/>	
[33]	●	<p>Lazy load images dưới fold + iframe?</p> <p>💡 Tại sao: lazy load image dưới fold tiết kiệm 60-80% data transfer ban đầu, giảm LCP.</p> <p>✅ Cách check: View source, image hero KHÔNG có <code>loading="lazy"</code> (hoặc <code>fetchpriority="high"</code>), image dưới fold CÓ <code>loading="lazy" decoding="async"</code>. Iframe <code>loading="lazy"</code> thuộc spec từ 2022.</p>	<input type="checkbox"/>	

2.5 Field Data + RUM (CrUX + GSC) (34-38 — 5 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[34]	●	<p>CrUX field data accessible cho site bạn?</p> <p>💡 Tại sao: site mới hoặc traffic thấp không đủ data trong CrUX. Không có CrUX = Google không pass CWV vào ranking signal, dù lab score đẹp.</p> <p>✅ Cách check: pagespeed.web.dev > nhập URL → nếu "Discover what your real users are experiencing" hiển thị data = OK. Nếu báo "No data available" = chưa đủ sample.</p>	<input type="checkbox"/>	
[35]	●	<p>GSC Core Web Vitals report verified + visible?</p> <p>💡 Tại sao: GSC aggregate CrUX cho toàn site, chia mobile/desktop, breakdown URL group. Đây là source of truth Google sử dụng cho ranking signal.</p> <p>✅ Cách check: Mở [Google Search Console](https://www.google.com/search/console) > chọn property > Experience > Core Web Vitals > xem 2 report Mobile + Desktop.</p>	<input type="checkbox"/>	
[36]	●	<p>First-party RUM library deployed (web-vitals.js hoặc tương đương)?</p> <p>💡 Tại sao: CrUX/GSC delay 28 ngày aggregate. First-party RUM cho realtime data theo cohort (user mobile A vs desktop B), debug fast hơn.</p> <p>✅ Cách check: View source tìm <code>web-vitals.js</code> import hoặc Google Tag Manager event "core_web_vitals". Hoặc DevTools > Console > <code>window.webVitals</code> defined.</p>	<input type="checkbox"/>	
[37]	●	<p>RUM data tích hợp dashboard (DataDog, NewRelic, custom Grafana)?</p> <p>💡 Tại sao: data trong production không có dashboard = không actionable. Cần view theo route, theo geo, theo device để fix targeted.</p> <p>✅ Cách check: Mở dashboard analytics → check có panel "CWV by route/device/geo" không. Nếu chỉ có aggregate site-wide = chưa đủ granular.</p>	<input type="checkbox"/>	
[38]	●	<p>BigQuery CrUX historical query setup cho trend analysis?</p> <p>💡 Tại sao: CrUX dataset public trên BigQuery cho phép query lịch sử 25 tuần, so sánh với competitor. Useful cho monthly health report.</p> <p>✅ Cách check: Setup BigQuery free tier (1TB query/tháng free), connect CrUX dataset <code>chrome-ux-report</code>. Query SQL pattern ở developer.chrome.com/docs/crux/bigquery.</p>	<input type="checkbox"/>	

2.6 Advanced Debugging + CI Regression Gate

(39-41 — 3 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[39]	●	Đã breakdown LCP thành 4 sub-part để biết fix tầng nào? Tại sao: Cách đúng để debug LCP là funnel 4 giai đoạn: TTFB, resource load delay, resource load duration, element render delay. Liệt fix rời rạc mà thiếu khung phân rã thì không biết fix tầng nào. Cách check: PageSpeed Insights / Chrome DevTools chia LCP thành 4 sub-part, xác định tầng chiếm thời gian lớn nhất rồi fix đúng chỗ.	<input type="checkbox"/>	
[40]	●	TTFB p75 dưới 500ms (tránh Googlebot giảm ưu tiên crawl)? Tại sao: Server response hơn 500ms thường xuyên thì Googlebot âm thầm giảm ưu tiên content mới. Fix TTFB là ROI cao nhất cho site lớn, lợi cả user lẫn crawl efficiency. Cách check: Đo TTFB p75; nếu hơn 500ms thì ưu tiên fix server/edge cache trước mọi tối ưu frontend.	<input type="checkbox"/>	
[41]	●	Có performance budget + Lighthouse CI gate chặn regression? Tại sao: Phòng regression: đặt budget (LCP dưới 2.5s, INP dưới 200ms, CLS dưới 0.1) làm benchmark, chạy Lighthouse trong CI/CD để bắt regression trước khi deploy. Hợp với DevOps. Cách check: Cấu hình Lighthouse CI trong pipeline, fail build nếu vượt budget.	<input type="checkbox"/>	



YẾU TỐ 3 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

Accessibility WCAG 2.2 + EAA

POUR Principle + 6 New SC + EAA Compliance

43

check

21

 Critical

17

 Important

5

 Recommended

6 SUB-SECTION:

1. 3.1 Perceivable (Text Alt + Color + Caption) (1-12)
2. 3.2 Operable (Keyboard + Focus + Target Size) (13-22)
3. 3.3 Understandable (Clear + Predictable) (23-30)
4. 3.4 Robust (Semantic + ARIA) (31-36)
5. 3.5 WCAG 2.2 New SC + EAA (37-40)
6. 3.6 Process + Legal: Methodology + Status Messages + Audit Trail (41-43)

3.1 Perceivable (Text Alt + Color + Caption)

(1-12 — 12 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>Mọi non-decorative có alt attribute mô tả nội dung?</p> <p>💡 Tại sao: screen reader đọc alt text thay vì image. Không có alt = user mù không hiểu content. Image decorative dùng <code>alt=""</code> (empty).</p> <p>✅ Cách check: View source, grep <code><img</code> không có <code>alt=</code> attribute. Hoặc terminal: <code>curl -s yoursite.com grep -oP ']*>' grep -v 'alt='</code>. WCAG 1.1.1.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>Alt text mô tả ý nghĩa, không phải mô tả pixel?</p> <p>💡 Tại sao: <code>alt="image.jpg"</code> hoặc <code>alt="company logo"</code> không giúp user mù hiểu purpose. Cần "Founder John ký hợp đồng với CEO Acme Corp" để communicate ý nghĩa.</p> <p>✅ Cách check: Audit manual 10-20 alt text ngẫu nhiên. Hỏi "screen reader user nghe câu này có hiểu image làm gì không?". Tool axe-core flag generic alt.</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>Color contrast text-on-background ≥ 4.5:1 cho body text?</p> <p>💡 Tại sao: text màu nhạt trên background nhạt = low-vision user (8% adult) không đọc được. WCAG AA min 4.5:1, AAA 7:1.</p> <p>✅ Cách check: [WebAIM Contrast Checker] (https://webaim.org/resources/contrastchecker/) nhập 2 mã màu. Hoặc Chrome DevTools > Inspect element > color picker hiện contrast ratio. WCAG 1.4.3.</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>Color contrast UI components (button border, focus ring) ≥ 3:1?</p> <p>💡 Tại sao: button border màu nhạt = user không phân biệt được clickable area. WCAG 2.1 thêm 1.4.11 Non-text Contrast requirement.</p> <p>✅ Cách check: Inspect button border + background, dùng DevTools color contrast. Cần ≥ 3:1.</p>	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	<p>Color không phải means duy nhất truyền thông tin?</p> <p>💡 Tại sao: chart đỏ/xanh báo trạng thái = user mù màu không phân biệt. Cần thêm icon, pattern, hoặc text label.</p> <p>✅ Cách check: Filter Chrome DevTools > Rendering > Emulate vision deficiencies > Protanopia. Site còn dùng được không? WCAG 1.4.1.</p>	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	<p>Video có caption (closed caption) cho audio?</p> <p>💡 Tại sao: user điếc/khó nghe (5% adult) không dùng được video không caption. EAA bắt buộc cho video commerce.</p> <p>✅ Cách check: YouTube embed > setting > captions có available không. Self-hosted video: <code><track kind="captions" src="..."></code> trong <code><video></code> tag. WCAG 1.2.2.</p>	<input type="checkbox"/>	
[7]	●	<p>Audio có transcript text alternative?</p> <p>💡 Tại sao: podcast/audio file không text = user điếc miss content. Kèm theo transcript boost SEO indexing.</p> <p>✅ Cách check: Mở page có audio, scroll tìm transcript section hoặc download link <code>.txt</code> / <code>.srt</code>. WCAG 1.2.1.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[8]	●	<p>Text resize 200% không break layout?</p> <p>💡 Tại sao: user low-vision zoom 200% browser. Nếu CSS dùng <code>font-size: 12px</code> fixed → user không zoom được, hoặc layout break.</p> <p>✅ Cách check: Chrome > Ctrl + 200% zoom. Hoặc CSS <code>body { zoom: 200% }</code>. Layout còn usable không? WCAG 1.4.4.</p>	<input type="checkbox"/>	
[9]	●	<p>Reading order screen reader match visual order?</p> <p>💡 Tại sao: CSS <code>flex: row-reverse</code> đảo thứ tự visual nhưng DOM order không đổi = screen reader đọc theo DOM, user thấy visual khác = confused.</p> <p>✅ Cách check: Disable CSS (DevTools > Cmd+Shift+P > "Disable CSS"). Reading order theo HTML có hợp lý không? WCAG 1.3.2.</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	<p>Heading hierarchy logical (H1 > H2 > H3, no skip)?</p> <p>💡 Tại sao: screen reader navigate by heading. H1 → H3 skip H2 = user bị confused về cấu trúc.</p> <p>✅ Cách check: HeadingsMap extension Chrome hoặc terminal: <code>curl -s yoursite.com grep -oP '<h[1-6][^>]*>' sort uniq -c</code>. WCAG 1.3.1.</p>	<input type="checkbox"/>	
[11]	●	<p>Form input có <label> linked với for= / id= ?</p> <p>💡 Tại sao: input không label = screen reader đọc "edit text" không biết field gì. User mù không submit được form.</p> <p>✅ Cách check: View source form, mỗi <code><input></code> phải có <code><label for="input-id"></code> trước hoặc <code>aria-label="Tên trường"</code>. WCAG 1.3.1 + 3.3.2.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	<p>Image text trong logo có text alternative?</p> <p>💡 Tại sao: logo image chứa text "Acme Corp" = screen reader đọc "image" không có text. Cần <code>alt="Acme Corp logo"</code>.</p> <p>✅ Cách check: Logo container, <code></code> alt attribute phải chứa text trong logo. WCAG 1.4.5.</p>	<input type="checkbox"/>	

3.2 Operable (Keyboard + Focus + Target Size) (13-22 — 10 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[13]	●	<p>Mọi interactive element (link, button, input) reachable bằng Tab key?</p> <p>💡 Tại sao: keyboard-only user (motor disability) chỉ Tab/Shift+Tab navigate. Element không nhận focus = user không thể click. WCAG 2.1.1.</p> <p>✅ Cách check: Tab qua entire page từ đầu. Mọi link/button/input nhận focus visible không? Custom div onclick thường miss <code>tabindex="0"</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[14]	●	<p>Không có keyboard trap (Tab vào element mà không Tab ra được)?</p> <p>💡 Tại sao: modal/carousel custom thường trap focus inside, user Tab không escape được. Chỉ chuột mới đóng = keyboard user kẹt.</p> <p>✅ Cách check: Tab vào modal, có Tab ra được không (Esc close modal + return focus). WCAG 2.1.2.</p>	<input type="checkbox"/>	
[15]	●	<p>Focus indicator visible cho mọi focusable element?</p> <p>💡 Tại sao: CSS reset bỏ <code>outline: none</code> mà không thay thế = user keyboard không biết focus đang ở đâu. WCAG 2.4.7.</p> <p>✅ Cách check: Tab qua page. Mỗi element focused phải có visible indicator (border, background, glow). Min contrast 3:1 với background.</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	<p>Focus indicator không bị obscured bởi sticky header/footer?</p> <p>💡 Tại sao: Tab xuống element bị sticky bottom navigation che → user không thấy focus location. WCAG 2.2 new 2.4.11.</p> <p>✅ Cách check: Tab xuống cuối page, sticky bar có che focused element không. Scroll-margin CSS fix.</p>	<input type="checkbox"/>	
[17]	●	<p>Skip link đầu page bypass nav repetitive?</p> <p>💡 Tại sao: keyboard user phải Tab qua 20+ nav link mỗi page = mệt. Skip link "Skip to main content" jump thẳng tới content. WCAG 2.4.1.</p> <p>✅ Cách check: Tab lần đầu vào page, link đầu tiên có phải "Skip to content" không (hidden khi không focus, visible khi focused).</p>	<input type="checkbox"/>	
[18]	●	<p>Click target size ≥ 24×24px (WCAG 2.2 new)?</p> <p>💡 Tại sao: button/link nhỏ < 24×24px = user motor disability tap miss thường xuyên trên mobile. WCAG 2.2 new 2.5.8.</p> <p>✅ Cách check: Inspect element > Box model > width/height. Hoặc Lighthouse a11y audit flag. Spacing 8px+ giữa target adjacent.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>Drag-and-drop có keyboard alternative?</p> <p>💡 Tại sao: drag-drop sortable list = motor user không dùng được. WCAG 2.2 new 2.5.7 cần button "Move up/down" thay thế.</p> <p>✅ Cách check: Tìm sortable list, click button "Move up" có hoạt động không. Hoặc keyboard arrow key sort.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>Page title có descriptive cho mỗi page?</p> <p>💡 Tại sao: screen reader đọc page title đầu khi load. "Home" không informative bằng "Audit Technical SEO 2026 Ông Bổ IT".</p> <p>✅ Cách check: <code><title></code> tag mỗi page unique và descriptive. WCAG 2.4.2.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[21]	●	<p>Link text descriptive ngoài context?</p> <p>💡 Tại sao: link "Click here" / "Read more" = screen reader đọc list link không biết link đi đâu. Cần "Read more about audit checklist 2026".</p> <p>✅ Cách check: Tools > Accessibility > Tab list "Links". Audit có link nào generic không. WCAG 2.4.4.</p>	<input type="checkbox"/>	
[22]	●	<p>Time limit form có warning + extend option?</p> <p>💡 Tại sao: form session timeout 5 phút = cognitive disability user không kịp đọc + fill. Cần warning + button extend. WCAG 2.2.1.</p> <p>✅ Cách check: Form login/checkout, timeout có warning xuất hiện 30s trước không. Button "Stay logged in" extend.</p>	<input type="checkbox"/>	

3.3 Understandable (Clear + Predictable) (23-30 — 8 check)				
#	TIER	CHECK ITEM	☐	NOTES
[23]	●	<p>HTML có <code><html lang="vi"></code> attribute?</p> <p>💡 Tại sao: screen reader switch pronunciation theo lang. Không có = đọc tiếng Việt với accent English = không hiểu được.</p> <p>✅ Cách check: View source line 1-2: <code><html lang="vi"></code> (hoặc <code>en</code>, <code>fr</code>, etc.). WCAG 3.1.1.</p>	☐	
[24]	●	<p>Đoạn text khác ngôn ngữ có <code>lang="..."</code> attribute?</p> <p>💡 Tại sao: bài Việt có quote tiếng Anh = screen reader đọc accent Việt câu English. Cần <code>quote here</code>.</p> <p>✅ Cách check: Audit content có inline foreign language không. WCAG 3.1.2.</p>	☐	
[25]	●	<p>Navigation consistent qua các page?</p> <p>💡 Tại sao: nav menu order khác nhau page-by-page = cognitive user mất time tìm lại. Cần stable order.</p> <p>✅ Cách check: Mở 5 page khác nhau, nav menu có cùng order + label không. WCAG 3.2.3.</p>	☐	
[26]	●	<p>Component identification consistent (icon = function)?</p> <p>💡 Tại sao: search icon ở header page A nhưng print icon ở page B = user confused. Cần icon = function consistent.</p> <p>✅ Cách check: Icon nhất quán semantic qua site. WCAG 3.2.4.</p>	☐	
[27]	●	<p>Form field required có dấu visible + aria-required?</p> <p>💡 Tại sao: user fill form bỏ field required = submit fail không hiểu tại sao. Cần asterisk + <code>aria-required="true"</code>.</p> <p>✅ Cách check: Form input required, label có dấu "*" + input có <code>aria-required="true"</code> hoặc <code>required</code> attribute.</p>	☐	
[28]	●	<p>Error message identify field + suggest fix?</p> <p>💡 Tại sao: "Form error" generic = user không biết field nào. Cần "Email: định dạng không hợp lệ, ví dụ user@example.com".</p> <p>✅ Cách check: Submit form invalid, error message có specify field + suggest fix không. WCAG 3.3.1 + 3.3.3.</p>	☐	
[29]	●	<p>Help text + tooltip không chỉ rely on hover (mobile cannot hover)?</p> <p>💡 Tại sao: tooltip xuất hiện trên hover only = mobile user (touch) không thấy được info.</p> <p>✅ Cách check: Tooltip có hiển thị on tap/click mobile không. Hoặc inline help text always visible.</p>	☐	
[30]	●	<p>Consistent Help (WCAG 2.2 new)?</p> <p>💡 Tại sao: contact info / chat / FAQ link phải ở vị trí consistent qua các page. WCAG 2.2 new 3.2.6.</p> <p>✅ Cách check: Help link ở header/footer cùng vị trí qua các page không.</p>	☐	

3.4 Robust (Semantic + ARIA)

(31-36 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[31]	●	<p>HTML semantic (header, nav, main, footer, article) thay vì all div?</p> <p>💡 Tại sao: screen reader landmark navigation dùng <code><nav></code>, <code><main></code>, <code><footer></code> để jump quanh page. Div all = no landmark = user navigate khó.</p> <p>✅ Cách check: View source, tìm <code><nav></code>, <code><main></code>, <code><header></code>, <code><footer></code>, <code><article></code>. Tool axe-core flag missing landmarks. WCAG 1.3.1.</p>	<input type="checkbox"/>	
[32]	●	<p>ARIA attributes đúng spec + không conflict semantic HTML?</p> <p>💡 Tại sao: <code><button role="link"></code> mâu thuẫn semantic. ARIA dùng đúng thì support, sai = phá hỏng AT.</p> <p>✅ Cách check: axe-core audit. First rule of ARIA: nếu HTML native element làm được, đừng dùng ARIA.</p>	<input type="checkbox"/>	
[33]	●	<p>aria-label / aria-labelledby cho element không có visible label?</p> <p>💡 Tại sao: icon-only button (hamburger menu, search) không text = screen reader đọc "button" không biết function.</p> <p>✅ Cách check: Icon button có <code>aria-label="Mở menu"</code> hoặc visually-hidden text inside. WCAG 4.1.2.</p>	<input type="checkbox"/>	
[34]	●	<p>Modal/dialog có role="dialog" + focus management?</p> <p>💡 Tại sao: modal mở phải trap focus inside + Esc close + return focus original button. Sai = keyboard user lost.</p> <p>✅ Cách check: Modal có <code>role="dialog" aria-modal="true" aria-labelledby="title-id"</code>. Test keyboard navigation in/out.</p>	<input type="checkbox"/>	
[35]	●	<p>Live region announce dynamic content update?</p> <p>💡 Tại sao: cart count update, error toast appear = screen reader user không biết nếu không có aria-live region.</p> <p>✅ Cách check: Dynamic content container có <code>aria-live="polite"</code> (cho info) hoặc <code>"assertive"</code> (cho error urgent).</p>	<input type="checkbox"/>	
[36]	●	<p>Form field có aria-describedby cho help text?</p> <p>💡 Tại sao: help text "Tối thiểu 8 ký tự" cạnh input = screen reader không link tới input tự động. Cần aria-describedby.</p> <p>✅ Cách check: <code><input id="pwd" aria-describedby="pwd-help"></code> + <code>Tối thiểu 8 ký tự</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	

3.5 WCAG 2.2 New SC + EAA		(37-40 — 4 check)		
#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[37]	●	<p>Accessible Authentication (WCAG 2.2 new 3.3.8)?</p> <p>💡 Tại sao: CAPTCHA chữ vắn vẹo, puzzle math = cognitive disability user không pass được. EAA bắt buộc alternative.</p> <p>✅ Cách check: Login page có alternative cho CAPTCHA: email magic link, password manager support, hoặc biometric. WCAG 3.3.8.</p>	<input type="checkbox"/>	
[38]	●	<p>Redundant Entry (WCAG 2.2 new 3.3.7)?</p> <p>💡 Tại sao: form multi-step bắt user nhập lại email/address mỗi step = cognitive burden. Cần auto-fill từ previous step.</p> <p>✅ Cách check: Checkout multi-step, info đã nhập có auto-prefill step sau không. WCAG 3.3.7.</p>	<input type="checkbox"/>	
[39]	●	<p>EAA accessibility statement public + maintained?</p> <p>💡 Tại sao: EAA bắt buộc publish accessibility statement với contact info, conformance level, last audit date.</p> <p>✅ Cách check: Footer link "Accessibility" hoặc /accessibility-statement/ . Page có specify WCAG 2.1/2.2 AA, last audit date, feedback contact.</p>	<input type="checkbox"/>	
[40]	●	<p>EN 301 549 conformance documented (EU)?</p> <p>💡 Tại sao: EAA technical standard EN 301 549 (extends WCAG 2.1 AA với clauses cho hardware + closed functionality). Site phục vụ EU government / commerce cần documented conformance.</p> <p>✅ Cách check: Compliance report theo EN 301 549 v3.2.1, accessible từ accessibility statement.</p>	<input type="checkbox"/>	

3.6 Process + Legal: Methodology + Status Messages + Audit Trail (41-43 — 3 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[41]	●	<p>Audit gồm đủ 3 lớp: automated + manual keyboard + screen reader?</p> <p>💡 Tại sao: Automated tool chỉ bắt được khoảng 30-57% lỗi theo volume; phần còn lại cần người + keyboard + screen reader. Chạy mỗi axe-core là chưa đủ, dễ tưởng pass nhưng vẫn fail thực tế.</p> <p>✅ Cách check: Mỗi audit phải gồm 3 lớp: automated scan, manual keyboard test, screen reader (NVDA/VoiceOver).</p>	<input type="checkbox"/>	
[42]	●	<p>Status message (toast, đã gửi) có aria-live/role=status (WCAG 4.1.3)?</p> <p>💡 Tại sao: SC 4.1.3 Status Messages hay bị miss nhất. Thay đổi trạng thái phải programmatically determinable mà không cần nhận focus.</p> <p>✅ Cách check: Toast/status update có <code>aria-live</code> (polite/assertive) hoặc <code>role=status</code>, screen reader announce mà không cướp focus.</p>	<input type="checkbox"/>	
[43]	●	<p>Có lưu audit trail (ngày, người, method, scope, fix) cho legal?</p> <p>💡 Tại sao: Giữ hồ sơ audit là critical nếu bị complaint/legal (EAA/ADA). Có accessibility statement chưa đủ, cần internal audit trail.</p> <p>✅ Cách check: Lưu record mỗi đợt audit: ngày, người, methodology, scope, fix. Quan trọng khi tranh chấp pháp lý.</p>	<input type="checkbox"/>	



YẾU TỐ 4 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

Security + GDPR + PDPD

HSTS + CSP L3 + Cookie + PDPD VN

36

check

21

 Critical

12

 Important

3

 Recommended

6 SUB-SECTION:

1. 4.1 HTTPS + TLS + HSTS Preload (1-6)
2. 4.2 Security Headers (CSP L3 + X-Frame) (7-14)
3. 4.3 GDPR Cookie + Consent + DSR (15-20)
4. 4.4 PDPD Nghị Định 13 VN (21-26)
5. 4.5 Data Leak Prevention (27-30)
6. 4.6 Application + Server Security (31-36)

4.1 HTTPS + TLS + HSTS Preload

(1-6 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>Site serve HTTPS với HTTP redirect 301?</p> <p>💡 Tại sao: HTTP plain text user có thể intercept WiFi public. Phải redirect HTTP → HTTPS permanent.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI http://yoursite.com grep -i location → HTTP/1.1 301 + Location: https://yoursite.com</code>. Browser direct: HTTP URL phải auto redirect HTTPS.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>TLS 1.2+ enabled, TLS 1.0/1.1 disabled?</p> <p>💡 Tại sao: TLS 1.0/1.1 deprecated 2020, vulnerable BEAST/POODLE attack. Browser flag warning cho user.</p> <p>✅ Cách check: [SSL Labs](https://www.ssllabs.com/ssltest/) nhập domain → Protocols section: TLS 1.2/1.3 = Yes, TLS 1.0/1.1 = No. Cần rating A+ (A là OK).</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>HSTS header với max-age ≥ 31536000 (1 năm)?</p> <p>💡 Tại sao: HSTS bắt browser memory site = HTTPS-only cho khoảng thời gian max-age. Tránh SSL stripping attack.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI https://yoursite.com grep -i strict-transport-security → cần max-age=31536000; includeSubDomains; preload</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>HSTS preload submitted to Chrome preload list?</p> <p>💡 Tại sao: Preload list giúp browser HTTPS-only NGAY LẦN ĐẦU user visit, không đợi HSTS header set.</p> <p>✅ Cách check: hstspreload.org nhập domain → "Status: Preloaded" = OK. Nếu chưa: submit (cần includeSubDomains + max-age 1 năm).</p>	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	<p>Mixed content (HTTP asset trong HTTPS page) bằng 0?</p> <p>💡 Tại sao: HTTP image/script inside HTTPS = browser block hoặc warning. Padlock icon broken.</p> <p>✅ Cách check: DevTools > Console → tìm "Mixed Content" warning. Hoặc [Why No Padlock](https://www.whynopadlock.com/) audit.</p>	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	<p>SSL certificate valid + auto-renew setup?</p> <p>💡 Tại sao: cert expire = site down. Let's Encrypt 90-day, manual renew dễ quên. Cần Certbot auto-renew cron.</p> <p>✅ Cách check: <code>openssl s_client -connect yoursite.com:443 -servername yoursite.com 2>/dev/null openssl x509 -noout -dates → notAfter date</code>. Cron: <code>certbot renew --dry-run</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	

4.2 Security Headers (CSP L3 + X-Frame)

(7-14 — 8 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[7]	●	<p>Content-Security-Policy (CSP) Level 3 với strict-dynamic?</p> <p>💡 Tại sao: CSP block inline script + 3rd-party script không allow. Level 3 strict-dynamic chặn phần lớn XSS modern pattern.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI https://yoursite.com grep -i content-security-policy</code> → cần directive <code>script-src 'strict-dynamic' 'nonce-...' 'unsafe-inline' https;; object-src 'none';</code>. Audit [CSP Evaluator](https://csp-evaluator.withgoogle.com/).</p>	<input type="checkbox"/>	
[8]	●	<p>X-Frame-Options: DENY hoặc SAMEORIGIN?</p> <p>💡 Tại sao: site bị embed iframe trên site malicious = clickjacking attack. Block iframe embed prevent.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI yoursite.com grep -i x-frame-options</code> → <code>DENY</code> (recommended) hoặc <code>SAMEORIGIN</code>. Hoặc CSP <code>frame-ancestors</code> directive thay thế.</p>	<input type="checkbox"/>	
[9]	●	<p>Referrer-Policy: strict-origin-when-cross-origin?</p> <p>💡 Tại sao: referrer header leak URL nội bộ ra 3rd-party. Strict-origin chỉ leak domain, không leak path.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI yoursite.com grep -i referrer-policy</code> → <code>strict-origin-when-cross-origin</code> (default modern browser). Set explicit để confirm.</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	<p>Permissions-Policy với restrict default features?</p> <p>💡 Tại sao: Permissions-Policy (formerly Feature-Policy) block camera/microphone/geolocation default. 3rd-party iframe không access được.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI yoursite.com grep -i permissions-policy</code> → ví dụ <code>geolocation=(), camera=(), microphone=()</code> (empty = blocked).</p>	<input type="checkbox"/>	
[11]	●	<p>X-Content-Type-Options: nosniff?</p> <p>💡 Tại sao: browser MIME-sniff response → đoán wrong type → execute JS từ user-uploaded file. Block prevent.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI yoursite.com grep -i x-content-type-options</code> → <code>nosniff</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	<p>COOP (Cross-Origin-Opener-Policy): same-origin?</p> <p>💡 Tại sao: COOP isolate browsing context khỏi popup malicious. Combined với COEP enable SharedArrayBuffer cho perf.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI yoursite.com grep -i cross-origin-opener-policy</code> → <code>same-origin</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	<p>COEP (Cross-Origin-Embedder-Policy): require-corp?</p> <p>💡 Tại sao: COEP yêu cầu cross-origin resource phải opt-in CORS. Enable SharedArrayBuffer + Spectre mitigation.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -sI yoursite.com grep -i cross-origin-embedder-policy</code> → <code>require-corp</code>. Note: enable COEP có thể break 3rd-party embed nếu họ không CORS.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[14]	●	Subresource Integrity (SRI) cho CDN script?  Tại sao: CDN script compromise (jQuery CDN bị hack) = mọi site dùng dính. SRI hash verify file unchanged.  Cách check: View source <code><script src="cdn.../jquery.js" integrity="sha384-..." crossorigin="anonymous"></code> → SRI hash present. Tool [SRI Hash Generator](https://www.srihash.org/).	<input type="checkbox"/>	

4.3 GDPR Cookie + Consent + DSR

(15-20 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[15]	●	<p>Cookie banner explicit opt-in (không opt-out preset)?</p> <p>💡 Tại sao: GDPR Art. 7 + EDPB Cookie Guidelines 03-2020: consent phải freely given, specific, informed, unambiguous. Pre-checked box ≠ consent.</p> <p>✅ Cách check: Mở site (incognito), cookie banner default state phải có tất cả non-essential cookie UNCHECKED. User phải actively check + click "Accept" để enable.</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	<p>Nút "Reject All" cùng prominence với "Accept All"?</p> <p>💡 Tại sao: EDPB 2024 guideline + CJEU C-673/17 (Planet49): "Reject" phải same size, same color contrast, same hierarchy với "Accept". Dark pattern (Reject ẩn sau "Settings") = non-compliant.</p> <p>✅ Cách check: Cookie banner có nút "Reject All" visible same level với "Accept All" không (không ẩn trong "Settings/Manage" sub-menu).</p>	<input type="checkbox"/>	
[17]	●	<p>Privacy Policy comprehensive theo GDPR Article 13?</p> <p>💡 Tại sao: GDPR Art. 13 list 11 thông tin bắt buộc: identity controller, contact DPO, purpose processing, lawful basis, retention period, data subject rights, complaint authority, etc.</p> <p>✅ Cách check: Open /privacy-policy/ page, scan có cover 11 mục Article 13. Hoặc dùng [GDPR Privacy Policy Checker](https://complianz.io/) audit.</p>	<input type="checkbox"/>	
[18]	●	<p>Data Subject Access Request (DSAR) form/email functional?</p> <p>💡 Tại sao: User có quyền request "Cho tôi xem mọi data về tôi" + "Xóa data tôi" theo Art. 15-17. Response 30 ngày tối đa.</p> <p>✅ Cách check: Site có form/email submit DSAR không. Test submit, response thực tế 30 ngày.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>Cookie banner cho phép withdraw consent dễ dàng?</p> <p>💡 Tại sao: GDPR Art. 7(3): withdraw consent phải easy như give consent. Cần button "Cookie Settings" footer accessible mọi page.</p> <p>✅ Cách check: Footer có link "Cookie Settings" mở banner lại. Toggle cookie category off + save = revoke consent.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>Cross-border data transfer mechanism (SCC + DPF)?</p> <p>💡 Tại sao: Data EU → US/3rd country cần legal mechanism: Standard Contractual Clauses (SCC) hoặc EU-US Data Privacy Framework (DPF, 07-2023 valid).</p> <p>✅ Cách check: Privacy policy có specify data transfer mechanism + 3rd country list không. Vendor list (Google Analytics, Facebook Pixel) DPF-certified không.</p>	<input type="checkbox"/>	

4.4 PDPD Nghị Định 13 VN (21-26 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[21]	●	<p>Site đã register notification với Cục A05 chưa?</p> <p>💡 Tại sao: Nghị định 13 Điều 24 bắt buộc register processing notification trong 60 ngày kể từ ngày bắt đầu xử lý. Không register = fines 50M VND.</p> <p>✅ Cách check: Submit form notification online tại [Cổng dịch vụ công Bộ Công an] (https://dichvucong.bocongan.gov.vn/). Lưu receipt làm bằng chứng. DPO/legal handle.</p>	<input type="checkbox"/>	
[22]	●	<p>Privacy notice tiếng Việt + theo Điều 13 format?</p> <p>💡 Tại sao: Nghị định 13 Điều 13 list 10 thông tin bắt buộc notice: purpose, scope, retention, data subject rights, contact controller, complaint authority, etc.</p> <p>✅ Cách check: /chinh-sach-bao-mat/ page tiếng Việt cover Điều 13 10 mục. English version separate /privacy-policy/ cho international user.</p>	<input type="checkbox"/>	
[23]	●	<p>Consent rule theo Điều 11 (rõ ràng + voluntary)?</p> <p>💡 Tại sao: Điều 11 + 12 bắt buộc consent explicit, có thể withdraw, không bị coerce. Pre-checked + bundled consent với T&C = invalid.</p> <p>✅ Cách check: Form đăng ký user, consent checkbox separate, không pre-checked, không bundle với T&C agreement.</p>	<input type="checkbox"/>	
[24]	●	<p>Sensitive data (nhạy cảm) handle theo Điều 28?</p> <p>💡 Tại sao: Nghị định 13 Điều 2(4): sensitive data gồm health, religion, biometric, political, financial. Cần consent + impact assessment chuyên biệt.</p> <p>✅ Cách check: Form thu thập sensitive data có separate consent + privacy impact assessment record không.</p>	<input type="checkbox"/>	
[25]	●	<p>Breach notification 72 giờ tới A05 + user?</p> <p>💡 Tại sao: Điều 23: data breach phải notify A05 + affected user trong 72 giờ. Late = fines tăng.</p> <p>✅ Cách check: Incident response plan có document 72h notification workflow không. Test với mock breach drill.</p>	<input type="checkbox"/>	
[26]	●	<p>DPO (Data Protection Officer) assigned + contact public?</p> <p>💡 Tại sao: Điều 27: tổ chức processing data ≥ 100K user phải có DPO. Contact info DPO public trên privacy notice.</p> <p>✅ Cách check: Privacy notice có "DPO: [tên] - email: [email]" không. DPO báo cáo trực tiếp board, không conflict interest.</p>	<input type="checkbox"/>	

4.5 Data Leak Prevention		(27-30 — 4 check)		
#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[27]	●	<p>No sensitive data trong client-side JS bundle?</p> <p>💡 Tại sao: API key, secret, internal endpoint trong JS bundle = anyone view source thấy được.</p> <p>✅ Cách check: View source main.js, grep <code>password secret api_key token</code>. Tool [TruffleHog](https://github.com/trufflesecurity/trufflehog) scan bundle. Sensitive data phải proxy qua backend.</p>	<input type="checkbox"/>	
[28]	●	<p>Public file/folder không expose sensitive (.env, .git, /admin)?</p> <p>💡 Tại sao: <code>.env</code> file expose database password + API key. <code>.git/config</code> expose internal repo path. <code>/admin/</code> expose login bypass.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -I yoursite.com/.env</code> → 403/404 = OK, 200 = leak. Tool [Wapiti](https://wapiti-scanner.github.io/) audit endpoint expose.</p>	<input type="checkbox"/>	
[29]	●	<p>PII (Personal Identifiable Info) không log clear text?</p> <p>💡 Tại sao: log file capture email/phone/credit card clear text = leak risk khi server compromise. Cần hash hoặc mask.</p> <p>✅ Cách check: Audit log format, PII field phải <code>mask</code> hoặc <code>hash</code>. Compliance team review log retention policy.</p>	<input type="checkbox"/>	
[30]	●	<p>Public bucket (S3/GCS) bucket policy private?</p> <p>💡 Tại sao: AWS S3 bucket public = anyone download file. Common cause data leak (Capital One 2019, Verizon 2017).</p> <p>✅ Cách check: AWS Console > S3 > bucket > Permissions tab → Block Public Access ON. Object level ACL không public-read.</p>	<input type="checkbox"/>	

4.6 Application + Server Security (31-36 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[31]	●	<p>Đã scan dependency vulnerability (npm/pip-audit, Dependabot, Snyk)?</p> <p>💡 Tại sao: Đa số tấn công đến từ thư viện lỗi thời. Mọi nguồn security 2026 đều liệt đầu tiên, nhưng phần lớn audit transport/compliance bỏ qua.</p> <p>✅ Cách check: Chạy <code>npm audit</code> / <code>pip-audit</code> / Dependabot / Snyk / Trivy: 0 high/critical vuln trong production deps. Auto-update qua Dependabot/Renovate.</p>	<input type="checkbox"/>	
[32]	●	<p>Có rate limiting + bot mitigation trên endpoint public/login?</p> <p>💡 Tại sao: Chặn brute-force, credential stuffing, scraping, DoS. Endpoint public không rate limit thì dễ bị abuse.</p> <p>✅ Cách check: Contact form, search, auth, write API đều có per-IP rate limit (vd 60 req/phút). Login/signup có bot challenge (Turnstile/hCaptcha/Cloudflare).</p>	<input type="checkbox"/>	
[33]	●	<p>Cookie có đủ flag Secure + HttpOnly + SameSite?</p> <p>💡 Tại sao: Cookie CONSENT (GDPR) khác cookie SECURITY flags. Session cookie thiếu HttpOnly thì XSS đánh cắp được session.</p> <p>✅ Cách check: Mọi cookie có <code>Secure</code>, <code>HttpOnly</code>, <code>SameSite=Lax/Strict</code>. Regenerate session ID sau login.</p>	<input type="checkbox"/>	
[34]	●	<p>Đã ẩn server version/fingerprint (Server, X-Powered-By)?</p> <p>💡 Tại sao: Header <code>Server: Apache/2.4.54</code> + <code>X-Powered-By: PHP/8.1</code> lộ stack, attacker tra vuln đã biết.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -I</code>: Server header generic hoặc ẩn, X-Powered-By removed.</p>	<input type="checkbox"/>	
[35]	●	<p>Auth hardening: admin MFA + password policy + logout?</p> <p>💡 Tại sao: Admin account cần MFA; password tối thiểu 12+ ký tự, block common password, hash bcrypt/Argon2; giới hạn failed login chặn brute-force.</p> <p>✅ Cách check: Admin bắt buộc MFA, password policy enforce, failed login logout.</p>	<input type="checkbox"/>	
[36]	●	<p>Có chống injection cơ bản (parameterized query, escape output, CSRF token)?</p> <p>💡 Tại sao: OWASP Top 10 cốt lõi. Dù scope bài hẹp vẫn nên cover tầng cơ bản.</p> <p>✅ Cách check: Parameterized query (chống SQLi), escape output (chống XSS), CSRF token + SameSite cho form write.</p>	<input type="checkbox"/>	



YẾU TỐ 5 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

GEO + AI Search

llms.txt + Schema AI + Citability + Brand Entity

33

check


17

 Critical

13

 Important

3

 Recommended

6 SUB-SECTION:




1. 5.1 llms.txt + AI-Friendly Markdown (1-6)
2. 5.2 Schema Markup for AI Parsing (7-14)
3. 5.3 Citability Block-Level (15-22)
4. 5.4 Brand Mentions + Entity (23-26)
5. 5.5 Platform-Specific (ChatGPT/Perplexity/AIO) (27-30)
6. 5.6 Measurement + Fan-out + Anti-stuffing (31-33)

5.1 llms.txt + AI-Friendly Markdown (1-6 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>Site có file /llms.txt root domain?</p> <p>💡 Tại sao: llms.txt spec llmstxt.org là chuẩn de-facto 2024-2026. AI crawler (ChatGPT, Claude) check file này trước HTML để discover priority content.</p> <p>✅ Cách check: Mở <code>yoursite.com/llms.txt</code> browser → phải hiển thị markdown content. Hoặc <code>curl -sI yoursite.com/llms.txt</code> → HTTP 200.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>llms.txt format markdown đúng spec (H1 + summary + H2 sections + links)?</p> <p>💡 Tại sao: spec yêu cầu H1 = site name, summary 1-2 dòng, H2 sections group content. Sai format = AI parse fail.</p> <p>✅ Cách check: Open llms.txt content, verify H1 → summary → H2 (Docs/Examples/Optional) → bullet links. Spec ví dụ tại llmstxt.org.</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>Có /llms-full.txt cho deep content (optional nhưng giá trị)?</p> <p>💡 Tại sao: /llms-full.txt chứa concatenated markdown của top page (10-50 page) để AI fetch 1 lần thay vì 50 lần. Reduce hallucination.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -s yoursite.com/llms-full.txt wc -l</code> → 500+ dòng OK. Hoặc dùng Anthropic generator script.</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>Content body có markdown structure rõ (H2/H3 + bullet + code block)?</p> <p>💡 Tại sao: AI engine parse markdown tốt hơn HTML messy với inline style. Page Vue/React SPA với nested div không có semantic = AI bỏ qua.</p> <p>✅ Cách check: View source body, count H2/H3 + bullet + code block. Sạch markdown = OK. Nested div thuần = refactor cần.</p>	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	<p>Robots.txt cho phép AI bot crawl (GPTBot, ClaudeBot, PerplexityBot, OAI-SearchBot)?</p> <p>💡 Tại sao: nhiều theme default block AI bot. Site invisible với AI search nếu bot disallow.</p> <p>✅ Cách check: <code>curl -s yoursite.com/robots.txt grep -i 'gptbot\ claudebot\ perplexitybot'</code> → tìm <code>Allow: /</code> hoặc không có rule disallow.</p>	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	<p>Sitemap.xml include trong llms.txt links?</p> <p>💡 Tại sao: AI crawler check sitemap để map content priority. Link trong llms.txt section "Docs" giúp index nhanh.</p> <p>✅ Cách check: llms.txt content có line <code>- [Sitemap]</code> (<code>https://yoursite.com/sitemap.xml</code>): Full content index không.</p>	<input type="checkbox"/>	

5.2 Schema Markup for AI Parsing (7-14 — 8 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[7]	●	<p>Article schema với author + datePublished + dateModified?</p> <p>💡 Tại sao: AI engine + Google ranking factor (E-E-A-T) check author + freshness. Thiếu = signal weak.</p> <p>✅ Cách check: [Schema Validator](https://validator.schema.org/) nhập URL → Article type với 3 property mandatory. Hoặc view source <code><script type="application/ld+json"></code> search "Article".</p>	<input type="checkbox"/>	
[8]	●	<p>FAQPage schema cho FAQ section page?</p> <p>💡 Tại sao: FAQ schema mặc dù deprecated Google rich result 05-2026 nhưng AI engine vẫn cite FAQPage data heavily. [SearchEngineLand FAQ deprecation] (https://searchengineland.com/google-deprecates-faqpage-howto-rich-results-454466).</p> <p>✅ Cách check: Schema Validator → FAQPage type với mainEntity array of Question. Mỗi Question có acceptedAnswer property.</p>	<input type="checkbox"/>	
[9]	●	<p>Person schema (author) với sameAs links to social/LinkedIn?</p> <p>💡 Tại sao: AI engine build entity graph cho author. sameAs link tới LinkedIn + Twitter + GitHub xác nhận identity, boost trust.</p> <p>✅ Cách check: Validator → Person type với name + jobTitle + sameAs array. sameAs cần 3-5 link verified.</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	<p>Organization schema với logo + sameAs + contactPoint?</p> <p>💡 Tại sao: brand entity recognition cho AI. Organization schema map name → industry → location → contact, AI cite chính xác hơn.</p> <p>✅ Cách check: Validator homepage → Organization type với @type, name, logo, sameAs, contactPoint properties.</p>	<input type="checkbox"/>	
[11]	●	<p>BreadcrumbList schema cho nav structure?</p> <p>💡 Tại sao: AI engine map content hierarchy + topic group. Breadcrumb signal page thuộc category nào.</p> <p>✅ Cách check: Validator interior page → BreadcrumbList type với itemListElement array.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	<p>HowTo schema cho tutorial step-by-step?</p> <p>💡 Tại sao: tutorial page có HowTo schema để được ChatGPT/Perplexity cite hơn cho query "how to X". Mặc dù Google deprecated 2023 rich result, AI engine vẫn parse.</p> <p>✅ Cách check: Validator tutorial page → HowTo type với step array.</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	<p>Product schema với offer + aggregateRating cho e-commerce/review?</p> <p>💡 Tại sao: review article không Product schema = AI không identify product entity. Mất visibility query so sánh "X vs Y".</p> <p>✅ Cách check: Validator review page → Product với offer.price, aggregateRating.ratingValue, brand properties.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[14]		Schema markup không có error theo Schema.org v30?  Tại sao: schema syntax error = browser/AI ignore toàn block. 1 lỗi property = mất hết signal.  Cách check: [Schema Validator](https://validator.schema.org/) → 0 error. Hoặc [Google Rich Results Test](https://search.google.com/test/rich-results) cho Google-specific validation.	<input type="checkbox"/>	

5.3 Citability Block-Level (15-22 — 8 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[15]	●	<p>Mỗi H2/H3 section answer 1 câu hỏi cụ thể?</p> <p>💡 Tại sao: heading question format match user query AI extract. "Tại sao X quan trọng?" được cite cho query "Why is X important?".</p> <p>✅ Cách check: Audit H2/H3 list, count question (?) vs statement. Target 60-80% question format.</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	<p>Paragraph đầu mỗi section có definition-first sentence?</p> <p>💡 Tại sao: AI extract first sentence làm answer summary. "X là Y" định nghĩa thẳng = citation perfect.</p> <p>✅ Cách check: Audit 5-10 section đầu, sentence 1 có pattern "X là ..." định nghĩa thẳng không.</p>	<input type="checkbox"/>	
[17]	●	<p>Stats có inline source link (hyperlink tới authority)?</p> <p>💡 Tại sao: AI verify stat qua source. Stats không link = AI skip vì không trust. Inline link → AI cite cả bạn lẫn source.</p> <p>✅ Cách check: Body grep stats (% , số tuyệt đối). Mỗi stats có markdown link <code>[stat]</code> (URL) không. Min 9 inline link per article (per ongboit rule).</p>	<input type="checkbox"/>	
[18]	●	<p>Block content (1-3 paragraph) standalone hiểu được không cần context?</p> <p>💡 Tại sao: AI extract 1-3 paragraph làm citation. Nếu paragraph reference "as mentioned above" = AI không hiểu, skip.</p> <p>✅ Cách check: Read random 3 paragraph trong article không context. Standalone meaningful không.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>Sentence length avg 16-22 words?</p> <p>💡 Tại sao: sentence > 30 words = AI compress sai meaning. Sentence < 12 words = không đủ content cite.</p> <p>✅ Cách check: [Hemingway Editor](https://hemingwayapp.com/) nhập article → avg sentence length. Sweet spot 16-22.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>Bullet list có 3-7 items per list?</p> <p>💡 Tại sao: AI extract bullet list nguyên block. List 10+ items bị truncate, list 1-2 items không meaningful.</p> <p>✅ Cách check: Audit bullet list count items. Refactor list > 7 thành 2 list hoặc table.</p>	<input type="checkbox"/>	
[21]	●	<p>Code block có comment + clear context?</p> <p>💡 Tại sao: AI cite code snippet kèm explanation. Code không comment = AI cite raw code, user không biết dùng.</p> <p>✅ Cách check: Code block có comment đầu + paragraph context trước/sau không.</p>	<input type="checkbox"/>	
[22]	●	<p>First 100 words paragraph chứa primary keyword + definition?</p> <p>💡 Tại sao: AI engine ưu tiên first 100 words làm summary. Keyword + definition front-loaded = citation higher.</p> <p>✅ Cách check: First paragraph article có primary keyword + 1 sentence definition không.</p>	<input type="checkbox"/>	

5.4 Brand Mentions + Entity (23-26 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[23]	●	<p>Brand name + variant consistent trong content?</p> <p>💡 Tại sao: "Ông BỐ IT" vs "OngBoIT" vs "OBI" inconsistent = AI confused entity. Pick 1 canonical + dùng nhất quán.</p> <p>✅ Cách check: Audit content grep brand name variant. Standardize trên 1 canonical (e.g., "Ông BỐ IT" full name).</p>	<input type="checkbox"/>	
[24]	●	<p>Brand mention trong external article authority (PR + backlink)?</p> <p>💡 Tại sao: AI engine train trên external mention. Brand không mention ngoài site = entity weak, AI không cite confident.</p> <p>✅ Cách check: Google search "Ông BỐ IT" site:.edu OR site:.gov OR site:authoritydomain.com → mention count. Target 10+ authority mention.</p>	<input type="checkbox"/>	
[25]	●	<p>sameAs link trong Organization schema verified?</p> <p>💡 Tại sao: sameAs link tới Wikipedia, Wikidata, LinkedIn = AI verify entity. Unverified link bị skip.</p> <p>✅ Cách check: Organization schema sameAs array có Wikipedia entry không. Nếu không có: create Wikipedia stub hoặc Wikidata entity.</p>	<input type="checkbox"/>	
[26]	●	<p>Brand co-occurrence với category keyword trong top article?</p> <p>💡 Tại sao: "Ông BỐ IT" co-occurrence với "Claude Code", "SEO", "n8n" = AI map brand → category group.</p> <p>✅ Cách check: Top 10 article có brand name + category keyword cùng paragraph không. Audit + add inline mention strategic.</p>	<input type="checkbox"/>	

5.5 Platform-Specific (ChatGPT/Perplexity/AIO) (27-30 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[27]		<p>Content có direct answer 40-60 words ngay đầu cho ChatGPT?</p> <p> Tại sao: ChatGPT extract first 40-60 words làm answer summary. Front-load answer = cite probability tăng 2.5x.</p> <p> Cách check: First paragraph 40-60 words có direct answer cho query target không.</p>	<input type="checkbox"/>	
[28]		<p>Recency signal (datePublished + dateModified < 6 tháng)?</p> <p> Tại sao: AI engine có recency bias. Content cũ ít được AI cite hơn content tươi; update dateModified khi refresh content.</p> <p> Cách check: Schema Article dateModified < 6 tháng. Audit content > 18 tháng list để refresh quarterly.</p>	<input type="checkbox"/>	
[29]		<p>Perplexity-optimized: content < 800 words concise sections?</p> <p> Tại sao: Perplexity prefer concise section để extract. Long-form 3K+ words bị down-rank vs section-based article.</p> <p> Cách check: Audit article > 5K words → split thành multiple smaller article hoặc TOC navigation prominent.</p>	<input type="checkbox"/>	
[30]		<p>Google AIO speakable Schema cho voice search?</p> <p> Tại sao: Google AIO + voice assistant extract speakable section. Schema.org speakable property identify voice-ready content.</p> <p> Cách check: View source <code><script type="application/ld+json"></code> có <code>"@type": "SpeakableSpecification"</code> với <code>cssSelector</code> array không.</p>	<input type="checkbox"/>	

5.6 Measurement + Fan-out + Anti-stuffing (31-33 — 3 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[31]	●	<p>Có baseline AI visibility (GA4 AI-bot segment + manual prompt test 30-50 query/quý)?</p> <p>💡 Tại sao: Measurement là 1 trục riêng của GEO 2026. Không đo baseline thì không biết GEO có tiến không.</p> <p>✅ Cách check: Set GA4 segment cho AI bot traffic (ChatGPT-User, PerplexityBot referrer); manual prompt test 30-50 query mỗi quý; record baseline cite rate để so trend.</p>	<input type="checkbox"/>	
[32]	●	<p>Content cover fan-out sub-question quanh topic chính, không chỉ keyword chính?</p> <p>💡 Tại sao: AI bẻ câu hỏi phức tạp thành nhiều sub-query (fan-out) rồi search từng cái. Content nên cover các sub-question xung quanh topic.</p> <p>✅ Cách check: Mỗi pillar cover các câu hỏi phụ buyer hay hỏi AI (audit bằng cách hỏi ChatGPT what related questions cho topic).</p>	<input type="checkbox"/>	
[33]	●	<p>Fact density đủ NHƯNG tránh keyword stuffing + stats vô nghĩa?</p> <p>💡 Tại sao: Princeton research: thêm quote/stats/citation tăng visibility tới khoảng 40%, NHƯNG keyword stuffing GIẢM visibility khoảng 10%; stats generic out-of-context không tác dụng.</p> <p>✅ Cách check: Audit fact density (data point + named citation mỗi 500 từ) nhưng tránh keyword stuffing + stats vô nghĩa.</p>	<input type="checkbox"/>	



YẾU TỐ 6 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

Backlinks

Profile Health + Toxic Detection + Competitor Gap

22

check

8

 Critical

12

 Important

2

 Recommended

6 SUB-SECTION:

1. 6.1 Profile Health (RD + DR + Velocity) (1-5)
2. 6.2 Anchor Text Relevance (6-9)
3. 6.3 Toxic + Spammy Detection (10-13)
4. 6.4 Competitor Gap Analysis (14-17)
5. 6.5 Lost Links + Redirect Decay (18-20)
6. 6.6 Disavow Nuance + Topical Relevance (21-22)

6.1 Profile Health (RD + DR + Velocity) (1-5 — 5 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>Total referring domains diverse + tăng trưởng 6 tháng?</p> <p>💡 Tại sao: 100 backlink từ 1 domain = 1 vote, 100 backlink từ 100 domain = 100 vote. Referring domains diverse quan trọng hơn total link count. Min 50+ RD cho competitive niche.</p> <p>✅ Cách check: [Ahrefs Site Explorer](https://ahrefs.com/site-explorer) > "Referring domains" tab → xem total + growth chart 6 tháng. Hoặc DataForSEO Backlinks API <code>referring_domains</code> endpoint.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>Domain Rating (DR) hoặc Domain Authority (DA) trend tăng?</p> <p>💡 Tại sao: DR/DA absolute score không bằng trend. Site bạn DR 40 stable 1 năm = stagnant; DR 30 tăng dần lên 45 = healthy growth signal.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs DR (scale 0-100) hoặc Moz DA. Track monthly, plot trend line. Target: +2-5 points mỗi quý cho site đang grow.</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>Link velocity natural (không spike bất thường)?</p> <p>💡 Tại sao: Spike +500% backlinks trong 30 ngày = Google red flag (paid link / PBN signal), có thể trigger algorithmic demotion. Velocity natural là gradual growth.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs "New backlinks" daily/weekly chart. Healthy: <50 new RD per month cho mid-size site. Suspicious: >200 new RD overnight.</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>Dofollow vs nofollow ratio 60-80% dofollow?</p> <p>💡 Tại sao: Dofollow link pass authority, nofollow chỉ traffic signal. 100% dofollow = unnatural pattern (forum/comment spam thường nofollow), 100% nofollow = zero authority pass.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs Site Explorer > Backlinks tab > filter "Dofollow / Nofollow". Healthy: 60-80% dofollow.</p>	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	<p>Total backlinks count + outreach pipeline track?</p> <p>💡 Tại sao: Total backlinks số tuyệt đối cho context volume. Outreach pipeline tracking giúp velocity dự đoán + content marketing ROI.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs total backlinks number + outreach CRM (e.g., Pitchbox, BuzzStream). Target: 10-20 new quality backlinks per month cho site grow.</p>	<input type="checkbox"/>	

6.2 Anchor Text Relevance (6-9 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[6]	●	<p>Branded anchor 40-60% tổng anchor distribution?</p> <p>💡 Tại sao: Branded anchor "Ông Bó IT", "ongboit.com", URL anchor = natural pattern. Healthy site 40-60% branded. Dưới 20% = signal artificial pattern (paid link without brand mention).</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs Site Explorer > "Anchors" tab > filter "Branded". Target: 40-60% total.</p>	<input type="checkbox"/>	
[7]	●	<p>Exact-match anchor < 5% tổng portfolio?</p> <p>💡 Tại sao: Exact-match anchor "claudio code audit" cao = unnatural (paid link). 2024 threshold 10%, 2026 Google tightened xuống ~5% cho competitive niche. Vượt = Penguin algorithmic penalty.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs "Anchors" tab filter "Exact-match" hoặc query DataForSEO API <code>anchor_text</code> field. Target: < 5%.</p>	<input type="checkbox"/>	
[8]	●	<p>Generic anchor 15-25% (click here, read more, link)?</p> <p>💡 Tại sao: Generic anchor natural cho citation + curation context. Quá thấp (<5%) = forced anchor pattern; quá cao (>40%) = low-quality forum/comment spam.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs anchor distribution chart. Generic 15-25% healthy.</p>	<input type="checkbox"/>	
[9]	●	<p>Anchor contextual relevance với surrounding paragraph?</p> <p>💡 Tại sao: Anchor "best Claude Code skill" trong paragraph nói về cooking = irrelevant context = low quality signal. Google parse surrounding 50-100 words.</p> <p>✅ Cách check: Manual review 10-20 backlinks random. Surrounding paragraph có match topic page link tới không. Hoặc DataForSEO <code>backlinks</code> API có <code>surrounding_text</code> field.</p>	<input type="checkbox"/>	

6.3 Toxic + Spammy Detection (10-13 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[10]	●	<p>Toxic backlink count < 5% total portfolio?</p> <p>💡 Tại sao: Toxic score > 5% portfolio = algorithmic demotion 2026 threshold. Ahrefs/Moz toxic score tổng hợp 20+ factor (spam score, low DR, malware, deindexed).</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs Toxic Score column hoặc Moz Spam Score (>5 = toxic). Disavow batch nếu >5% portfolio.</p>	<input type="checkbox"/>	
[11]	●	<p>PBN (Private Blog Network) signals detected?</p> <p>💡 Tại sao: PBN footprint: same hosting IP group, same registrar, cheap whois, similar theme/template, thin content. Google detect PBN penalize cả linking + receiving site.</p> <p>✅ Cách check: Manual review top 50 referring domains. Tool [Spamzilla] (https://spamzilla.io/) automated PBN scan. Flag suspicious group + disavow.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	<p>Sudden anchor spike alert (>50% growth in 30 days)?</p> <p>💡 Tại sao: Spike anchor distribution bất ngờ = negative SEO attack (competitor build spam links). Cần monitor weekly + disavow nhanh.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs Alerts setup "Anchor distribution change". Hoặc DataForSEO scheduled query weekly + compare anchor distribution.</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	<p>Foreign language link spam (Chinese/Russian) check?</p> <p>💡 Tại sao: Comment spam Chinese/Russian từ pharma/casino spam network = toxic. Phổ biến trên WordPress sites không protect comment.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs "Anchors" filter character set non-Latin. Hoặc protect WordPress với Akismet + disable trackback.</p>	<input type="checkbox"/>	

6.4 Competitor Gap Analysis (14-17 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[14]	●	<p>Common backlinks competitor có mà bạn không?</p> <p>💡 Tại sao: Nếu 3-5 competitor cùng có backlink từ domain X mà bạn không = high-probability X cũng cho bạn link nếu pitch đúng.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs "Link Intersect" tool nhập 3-5 competitor domain + your domain → output common RD competitor có. Hoặc Moz Link Explorer "Compare Link Profile".</p>	<input type="checkbox"/>	
[15]	●	<p>EDU / .gov / .org niche relevant links?</p> <p>💡 Tại sao: EDU/.gov link cao authority + difficult to obtain → cao value. Search niche relevant: VN universities tech blog, government open-data initiative.</p> <p>✅ Cách check: Google search <code>site:.edu.vn OR site:.gov.vn "claude code" OR "AI automation"</code> + outreach. Long-term effort.</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	<p>Resource page + listicle inclusion opportunities?</p> <p>💡 Tại sao: Resource page "Best Claude Code resources 2026" / listicle "Top SEO tools VN" là natural fit cho citation. Pitch easy.</p> <p>✅ Cách check: Google search <code>intitle:"resources" + niche keyword + intitle:"best tools" + niche</code>. Outreach via email.</p>	<input type="checkbox"/>	
[17]	●	<p>Broken link building targets (competitor lost links)?</p> <p>💡 Tại sao: Competitor lost links → bạn pitch thay thế. Tool surface broken backlink URL của competitor → contact webmaster offer your URL replacement.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs "Broken Backlinks" cho competitor URL. Hoặc manual: Google cache cũ + check 404. Outreach email template.</p>	<input type="checkbox"/>	

6.5 Lost Links + Redirect Decay (18-20 — 3 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[18]	●	<p>Lost backlinks last 90 ngày + outreach recovery?</p> <p>💡 Tại sao: Lost link reflect ranking drop 7-14 ngày sau (2026 accelerated). Detect nhanh + outreach restore = giữ rank stable.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs "Lost backlinks" tab 90-day filter. Outreach email referring page owner.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>Redirect chain backlinks (link signal dilution)?</p> <p>💡 Tại sao: Backlink → URL A → 301 → URL B → 301 → URL C dilute signal 10-15% mỗi hop. Multiple hops = significant authority loss.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs filter backlinks có "Redirect chain length > 2". Update target URL canonical. Direct link better.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>Broken referring page (404)?</p> <p>💡 Tại sao: Referring page bị 404 = your backlink lost permanently. Contact webmaster restore page hoặc move link elsewhere.</p> <p>✅ Cách check: Ahrefs lost backlinks "Reason: Page not found". Outreach if high-DR referring domain.</p>	<input type="checkbox"/>	

6.6 Disavow Nuance + Topical Relevance

(21-22 — 2 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[21]	●	<p>Chỉ disavow link toxic rõ ràng (PBN/negative SEO), không disavow hàng loạt?</p> <p>💡 Tại sao: Google (Mueller): algorithm phần lớn tự xử bad link. Disavow indiscriminately gây false-positive mất link tốt.</p> <p>✅ Cách check: Chỉ disavow khi toxic score cao + nhiều red flag rõ ràng (PBN footprint, negative SEO attack). Không disavow hàng loạt.</p>	<input type="checkbox"/>	
[22]	●	<p>Ưu tiên topical relevance của linking domain hơn chỉ DR cao?</p> <p>💡 Tại sao: 2026 Google ngày càng tính topical relevance của linking domain, không chỉ DR. Link từ site cùng ngành DR thấp có thể giá trị hơn DR cao khác ngành.</p> <p>✅ Cách check: Audit top referring domain có cùng/liên quan ngành không. Ưu tiên outreach site topical-relevant hơn chỉ sẵn DR cao.</p>	<input type="checkbox"/>	



YẾU TỐ 7 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

Brand Authority

Mention Monitoring + Entity + AI Brand Recognition

17

check

6

 Critical

8

 Important

3

 Recommended

6 SUB-SECTION:

1. 7.1 Brand Mention Monitoring + Sentiment (1-4)
2. 7.2 Entity Recognition (sameAs + Wiki + KG) (5-8)
3. 7.3 Branded Search Demand (9-11)
4. 7.4 Co-Occurrence Category (12-13)
5. 7.5 AI Brand Recognition (14-15)
6. 7.6 E-E-A-T Author Signal + Unlinked Mention (16-17)

7.1 Brand Mention Monitoring + Sentiment (1-4 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>Brand mention rate per month (10+ unique sources)?</p> <p>💡 Tại sao: 10+ unique source mention/tháng = signal brand active trong category. < 5 mention = entity weak, AI not confident cite.</p> <p>✅ Cách check: [Google Alerts](https://www.google.com/alerts) brand name + [Brand24](https://brand24.com/) trial 14 ngày. Hoặc DataForSEO Mention API. Count unique source 30 ngày.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>Brand sentiment positive > 70% mentions?</p> <p>💡 Tại sao: Negative sentiment > 30% = reputation risk, AI cite mention warning. Monitor sentiment auto-classify positive/neutral/negative.</p> <p>✅ Cách check: Brand24 / Mention sentiment dashboard. Manual review 20-30 mention random. Reply + manage negative active.</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>Source authority distribution (high DR sources)?</p> <p>💡 Tại sao: 5 mention từ DR 70+ source > 50 mention từ DR < 20. Authority distribution quan trọng hơn raw count.</p> <p>✅ Cách check: Brand24 / Mention filter "Source authority". Hoặc DataForSEO Backlinks API check DR mỗi referring source.</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>Geographic distribution mention (target market focus)?</p> <p>💡 Tại sao: Site VN target audience VN, mention 90% từ EU/US = misaligned market. Geographic distribution match target = healthy brand reach.</p> <p>✅ Cách check: Brand24 filter "Country". Hoặc Google Alerts country filter. Target: 60%+ mention từ target country.</p>	<input type="checkbox"/>	

7.2 Entity Recognition (sameAs + Wiki + KG) (5-8 — 4 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[5]	●	<p>sameAs Organization schema 5+ verified link?</p> <p>💡 Tại sao: sameAs schema array link tới Wikipedia + LinkedIn + Twitter + GitHub + Facebook = AI verify entity identity. Min 5 link cho entity strong.</p> <p>✅ Cách check: [Schema Validator](https://validator.schema.org/) homepage → Organization type với sameAs array ≥ 5 items. Verify mỗi link live + about brand.</p>	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	<p>Wikipedia entry / Wikidata entity exist?</p> <p>💡 Tại sao: Wikipedia + Wikidata là source AI engine train heavily. Brand có entry = AI cite confident; không có = AI cite hesitant.</p> <p>✅ Cách check: Search Wikipedia "Ông BỐ IT" trong VN + EN. Wikidata search ID. Nếu chưa có: tạo stub article + Wikidata entity (free, requires notability).</p>	<input type="checkbox"/>	
[7]	●	<p>Knowledge Graph entry Google search?</p> <p>💡 Tại sao: Knowledge Graph entry = side panel khi user search brand. Strong entity signal cho AI engine.</p> <p>✅ Cách check: Google search brand name desktop. Right side panel có Knowledge Graph card không. Hoặc query [Google Knowledge Graph API] (https://developers.google.com/knowledge-graph) với brand name → resultScore > 100 = recognized.</p>	<input type="checkbox"/>	
[8]	●	<p>Brand entity consistent across web (no variant)?</p> <p>💡 Tại sao: "Ông BỐ IT" vs "OngBoIT" vs "OBI" inconsistent = AI confused. Pick 1 canonical + standardize qua mọi mention.</p> <p>✅ Cách check: Audit social profile + LinkedIn + GitHub + content. Standardize trên 1 canonical (e.g., "Ông BỐ IT" full). Update branding guide.</p>	<input type="checkbox"/>	

7.3 Branded Search Demand (9-11 — 3 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[9]	●	<p>Branded search volume Google trend tăng 6 tháng?</p> <p>💡 Tại sao: Branded search volume = direct measure brand awareness. Tăng dần = brand health good; flat/declining = marketing campaign chưa work.</p> <p>✅ Cách check: [Google Trends](https://trends.google.com/) brand name 12-month chart. Hoặc DataForSEO Keyword Volume API exact match brand. Target: +10-30% mỗi quý.</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	<p>Branded CTR vs unbranded CTR organic?</p> <p>💡 Tại sao: Branded query CTR thường 30-50% (user know brand, click chính xác); unbranded CTR 5-15%. Gap quá hẹp = brand chưa stand out trong SERP.</p> <p>✅ Cách check: GSC > Performance > filter "Query contains [brand]" vs not contains. So sánh CTR. Target: branded CTR ≥ 30%.</p>	<input type="checkbox"/>	
[11]	●	<p>Brand + modifier search combinations (brand + reviews, brand + price)?</p> <p>💡 Tại sao: User search "ongboit reviews" / "ongboit price" / "ongboit vs competitor" = high commercial intent. Volume + trend = brand commercial demand.</p> <p>✅ Cách check: Google Keyword Planner brand + modifier suggestions. Hoặc Ahrefs Keyword Explorer related keywords. Track top 10 modifier monthly.</p>	<input type="checkbox"/>	

7.4 Co-Occurrence Category (12-13 — 2 check)







#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[12]	●	<p>Brand co-occurrence với category keyword trong top article?</p> <p>💡 Tại sao: "Ông BỐ IT" + "Claude Code", "SEO", "n8n" cùng paragraph nhiều lần = AI map brand → category group. AI cite cho query thematic.</p> <p>✅ Cách check: Audit top 10 article có brand name + category keyword cùng paragraph không. Manual review + add inline mention strategic. Target: 80%+ top article có co-occurrence.</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	<p>Authority niche placement (guest post + interview + podcast)?</p> <p>💡 Tại sao: Placement trên niche authority site (Vietcetera tech, Tinh tế, ICT News) = co-occurrence brand + category recognized by AI. Editorial mentions > paid placement.</p> <p>✅ Cách check: Track guest post + interview + podcast trong 12 tháng. Target: 5-10 placement trên niche authority site mỗi năm.</p>	<input type="checkbox"/>	

7.5 AI Brand Recognition (14-15 — 2 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[14]	●	<p>ChatGPT brand cite rate query relevant?</p> <p>💡 Tại sao: Search "best Claude Code skills" trên ChatGPT, brand bạn có được cite trong response không? Cite rate = visibility AI search era.</p> <p>✅ Cách check: Manual test 20-30 query relevant trên ChatGPT. Count brand mention rate. Hoặc Profound dashboard track historical. Target: 20%+ query relevant cite brand.</p>	<input type="checkbox"/>	
[15]	●	<p>Perplexity brand mention frequency + AI Overview citation?</p> <p>💡 Tại sao: Perplexity + Google AIO cite source different patterns. Brand visibility multi-platform = robust AI search readiness.</p> <p>✅ Cách check: Manual test Perplexity 20-30 query + Google search query có AIO. Count brand mention. Hoặc BrandRank.ai dashboard.</p>	<input type="checkbox"/>	

7.6 E-E-A-T Author Signal + Unlinked Mention

(16-17 — 2 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[16]		<p>Page có named author + bio + credential visible (tăng AI cite)?</p> <p> Tại sao: Page có named author + credential visible được AI cite nhiều hơn content brand vô danh. E-E-A-T là trục riêng của khung GEO.</p> <p> Cách check: Author có bio + credential visible trên page; brand có About/team page thể hiện expertise + proof (case study, kết quả thật).</p>	<input type="checkbox"/>	
[17]		<p>Đã reclaim unlinked brand mention (xin chuyển thành link)?</p> <p> Tại sao: Site nhắc tên brand mà không link là cơ hội. Reclaim tăng cả backlink lẫn entity signal.</p> <p> Cách check: Tìm mention Ông Bó IT không kèm link, outreach xin thêm link. Tool: Ahrefs Content Explorer / Brand24 filter no link.</p>	<input type="checkbox"/>	



YẾU TỐ 8 / 8 · PHẦN A — SITE AUDIT

Analytics + Conversion

GA4 + GTM + Consent Mode v2 + CRO Funnel

32

check

14

● Critical

14

● Important

4

● Recommended

5 SUB-SECTION:

1. 8.1 GA4 + GTM Setup (1-7)
2. 8.2 Event + Conversion Tracking (8-14)
3. 8.3 Consent Mode v2 + Privacy (15-21)
4. 8.4 CRO + Funnel Optimization (22-27)
5. 8.5 Engagement + QA Debug (28-32)

8.1 GA4 + GTM Setup

(1-7 — 7 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>GA4 property cài + tag load đúng 1 lần?</p> <p>💡 Tại sao: GA4 là bắt buộc (Universal Analytics sunset 07-2023). Tag load 2 lần = mọi metric gấp đôi, data vô nghĩa.</p> <p>✅ Cách check: [Google Tag Assistant](https://tagassistant.google.com/) connect site → chỉ 1 GA4 config tag fire per page. Hoặc DevTools > Network > filter <code>collect?v=2</code> → 1 request page_view per load.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>GTM container cài + không hardcode tag trùng?</p> <p>💡 Tại sao: nếu vừa cài GA4 qua GTM vừa hardcode gtag.js trong theme = double-fire. Chọn 1 cách quản lý tag.</p> <p>✅ Cách check: View source tìm cả <code>gtm.js</code> lẫn <code>gtag('config'...</code>. Nếu có cả 2 cho cùng GA4 ID = trùng, gỡ 1.</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>Internal traffic + dev traffic được lọc?</p> <p>💡 Tại sao: traffic của chính bạn + dev + staging đổ vào GA4 làm conversion rate + bounce sai lệch, nhất là site nhỏ.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Data Settings > Data Filters → có internal traffic filter (theo IP) đang "Active", không phải "Testing". Staging dùng GA4 property riêng.</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>GA4 data retention set tối đa (14 tháng)?</p> <p>💡 Tại sao: mặc định GA4 chỉ giữ 2 tháng event-level data cho exploration. Đổi lên 14 tháng để so trend year-over-year.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Data Settings > Data Retention → "14 months" (event data).</p>	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	<p>Cross-domain tracking cấu hình (nếu nhiều domain)?</p> <p>💡 Tại sao: nếu funnel đi qua nhiều domain (vd checkout subdomain) mà không config, session bị cắt = conversion attribution sai.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Data Streams > Configure tag settings > Configure your domains → list đủ domain trong funnel.</p>	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	<p>GTM container size hợp lý (không phình)?</p> <p>💡 Tại sao: container 100+ tag, nhiều tag chết, load đồng bộ = ăn main thread, hại INP + chậm fire event.</p> <p>✅ Cách check: GTM > xem số tag active; gỡ tag paused/không dùng. DevTools đo <code>gtm.js</code> size, defer load 3rd-party tag không critical.</p>	<input type="checkbox"/>	
[7]	●	<p>Debug mode tắt trên production?</p> <p>💡 Tại sao: để GTM Preview / debug mode bật trên live = data test lẫn data thật, méo report.</p> <p>✅ Cách check: Tag Assistant trên live không hiện "debug"; GTM đã Submit version, không ở Preview.</p>	<input type="checkbox"/>	

8.2 Event + Conversion Tracking		(8-14 — 7 check)		
#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[8]	●	<p>Key event (conversion) được định nghĩa đúng business goal?</p> <p>💡 Tại sao: "key event" của GA4 phải map đúng kết quả kinh doanh (lead, mua, đăng ký), không phải vanity (page_view). Sai = tối ưu nhầm mục tiêu.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Key events → list event đúng là outcome thật (generate_lead, purchase, sign_up, file_download), không phải scroll/page_view.</p>	<input type="checkbox"/>	
[9]	●	<p>Conversion event fire đúng 1 lần per hành động (no double-count)?</p> <p>💡 Tại sao: trigger lỏng (vd fire trên mọi click thay vì click thành công) = conversion ảo cao, ROI tính sai.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > DebugView, thực hiện 1 conversion thật → đúng 1 event xuất hiện, không 2-3.</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	<p>Event có đủ parameter giá trị (value, currency, item)?</p> <p>💡 Tại sao: purchase không có value + currency = không tính được revenue/ROAS. Lead không có context = không chấm chất lượng.</p> <p>✅ Cách check: DebugView click event → có parameter value, currency (purchase), hoặc field nhận dạng nguồn (lead). Khớp [GA4 recommended events] (https://support.google.com/analytics/answer/9267735).</p>	<input type="checkbox"/>	
[11]	●	<p>dataLayer push chuẩn cho các action chính?</p> <p>💡 Tại sao: tracking dựa vào DOM click selector dễ vỡ khi đổi theme. dataLayer push từ code ổn định hơn.</p> <p>✅ Cách check: DevTools Console gõ dataLayer → có push cho form submit / purchase với cấu trúc nhất quán. Không chỉ dựa auto-event click toàn site.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	<p>Conversion import sang Google Ads (nếu chạy ads)?</p> <p>💡 Tại sao: ads tối ưu theo conversion. Không import = Google Ads bid mù, đốt ngân sách.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Product Links > Google Ads linked; conversion key event được import vào Ads làm conversion action.</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	<p>Server-side tagging cho event quan trọng?</p> <p>💡 Tại sao: ad-blocker + iOS chặn client-side tag, mất khoảng 10-30% data (ước tính, tùy tỷ lệ user dùng ad-blocker). Server-side (sGTM) giữ data + kiểm soát PII trước khi gửi Google.</p> <p>✅ Cách check: Có server container (Stape / Google Cloud) nhận event qua first-party endpoint cho purchase/lead. Tối thiểu cho site e-comm/lead-gen.</p>	<input type="checkbox"/>	
[14]	●	<p>GA4 ↔ GSC (Google Search Console) + BigQuery link?</p> <p>💡 Tại sao: GA4 link GSC để xem query → landing → conversion. BigQuery export cho raw data + AI bot traffic analysis.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Product Links → Search Console linked; BigQuery export bật (free tier đủ cho site nhỏ).</p>	<input type="checkbox"/>	

8.3 Consent Mode v2 + Privacy (15-21 — 7 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[15]	●	<p>Consent Mode v2 triển khai (nếu có traffic EEA)?</p> <p>💡 Tại sao: Google yêu cầu cho site dùng sản phẩm Google phục vụ user EEA (công bố đầu 2024, enforcement siết từ giữa 2025). Thiếu = mất remarketing audience + conversion modeling.</p> <p>✅ Cách check: Tag Assistant > xem có signal <code>consent</code> với <code>ad_storage</code>, <code>analytics_storage</code>, <code>ad_user_data</code>, <code>ad_personalization</code>. Hoặc DevTools tìm <code>gtag('consent', 'default', ...)</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	<p>Consent default = denied trước khi user đồng ý?</p> <p>💡 Tại sao: GDPR yêu cầu opt-in. Default phải "denied" cho non-essential, chỉ "granted" sau khi user accept. Default granted = vi phạm.</p> <p>✅ Cách check: Mở site incognito (EEA), trước khi bấm accept → <code>gtag('consent','default')</code> có <code>analytics_storage: denied</code>, <code>ad_storage: denied</code>.</p>	<input type="checkbox"/>	
[17]	●	<p>Consent update fire sau khi user chọn?</p> <p>💡 Tại sao: bấm Accept mà consent không update lên "granted" = mất hết data của user đã đồng ý (đo thiếu nghiêm trọng).</p> <p>✅ Cách check: DebugView / Tag Assistant: bấm Accept → có <code>gtag('consent','update',{analytics_storage:'granted'...})</code> fire ngay.</p>	<input type="checkbox"/>	
[18]	●	<p>Chuẩn bị cho thay đổi Google Signals 15-06-2026?</p> <p>💡 Tại sao: từ 15-06-2026 Google Signals chỉ còn dùng cho behavioral reporting (user đã đăng nhập) trong GA4; thu thập dữ liệu Google Ads chuyển sang Consent Mode (<code>ad_storage</code>). Site chạy Ads phụ thuộc Signals cho cross-device/remarketing cần đảm bảo Consent Mode v2 Advanced; site không chạy Ads ít bị ảnh hưởng.</p> <p>✅ Cách check: Review GA4 Admin > Data Collection (Google Signals). Đảm bảo Consent Mode v2 + first-party data + Customer Match thay thế đúng luồng.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>No PII trong URL parameter / event label?</p> <p>💡 Tại sao: email/phone/tên trong URL hoặc event = vi phạm chính sách GA4 (Google có thể xóa data) + GDPR/PDPD.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Reports > tìm page path / event param chứa @, số điện thoại, tên. Redact ở GTM trước khi gửi, hoặc dùng sGTM lọc PII.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>Cookie/tracking gắn đúng category trong consent banner?</p> <p>💡 Tại sao: GA4/Ads tag phải nằm trong category "analytics"/"marketing" của CMP, block tới khi consent. Tag fire trước consent = banner làm cảnh.</p> <p>✅ Cách check: Trước khi accept, DevTools > Network → không có request <code>collect?v=2</code> (GA4) hay <code>google-analytics / doubleclick</code> fire. Chỉ fire sau Accept.</p>	<input type="checkbox"/>	
[21]	●	<p>IP anonymization + data location phù hợp?</p> <p>💡 Tại sao: GA4 anonymize IP mặc định nhưng nên verify; site VN/EU cần biết data region để khớp tuyên bố privacy notice.</p> <p>✅ Cách check: GA4 mặc định không log full IP; privacy notice mô tả đúng công cụ analytics + data xử lý. Khớp checklist [Security + PDPD](/claude-code-audit-security-pdpd/).</p>	<input type="checkbox"/>	

8.4 CRO + Funnel Optimization

(22-27 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[22]	●	<p>CTA chính rõ ràng + above-the-fold?</p> <p>💡 Tại sao: user không cuộn để tìm hành động. CTA mờ nhạt hoặc nằm dưới fold = mất conversion ngay từ đầu.</p> <p>✅ Cách check: Mở trang đích trên mobile → CTA chính (mua, đăng ký, liên hệ) thấy ngay không cần cuộn, dùng action verb + màu tương phản.</p>	<input type="checkbox"/>	
[23]	●	<p>Form chỉ hỏi field cần thiết?</p> <p>💡 Tại sao: mỗi field thừa giảm completion rate. Form 3 field convert tốt hơn form 8 field rõ rệt.</p> <p>✅ Cách check: Đếm field bắt buộc; bỏ field không thật sự cần lúc này (lấy sau). Field dùng type đúng (email/tel/number) cho mobile keyboard.</p>	<input type="checkbox"/>	
[24]	●	<p>Form abandonment + funnel step được track?</p> <p>💡 Tại sao: không biết user rớt ở bước nào của checkout/dăng ký thì không fix được. Funnel exploration là chìa khoá.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Explore > Funnel exploration cho luồng chính (view → add → checkout → purchase, hoặc form_start → form_submit). Xác định step drop cao nhất.</p>	<input type="checkbox"/>	
[25]	●	<p>Thank-you / success page + conversion confirm?</p> <p>💡 Tại sao: conversion nên fire ở trang xác nhận thật (sau khi submit thành công), không phải lúc bấm nút. Đây cũng là nơi đặt remarketing tag chuẩn.</p> <p>✅ Cách check: Có trang/sự kiện success riêng; conversion event fire ở đó, không fire ở click.</p>	<input type="checkbox"/>	
[26]	●	<p>Conversion rate baseline được thiết lập?</p> <p>💡 Tại sao: không có baseline thì không biết thay đổi có hiệu quả không. Cần con số gốc per traffic source.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Reports > có conversion rate theo channel/landing page làm baseline để so sau mỗi lần tối ưu.</p>	<input type="checkbox"/>	
[27]	●	<p>A/B testing setup (nếu đủ traffic)?</p> <p>💡 Tại sao: Google Optimize đã sunset; cần tool thay thế (VWO, Optimizely, AB Tasty, hoặc GA4 + server-side) để test có cơ sở thống kê. Chỉ ý nghĩa khi traffic đủ.</p> <p>✅ Cách check: Có công cụ A/B test cài + test đang chạy với sample size đủ; không "đổi đại rồi nhìn".</p>	<input type="checkbox"/>	

8.5 Engagement + QA Debug (28-32 — 5 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[28]	●	<p>Engagement signal track (scroll, internal search, video)?</p> <p>💡 Tại sao: GA4 enhanced measurement bắt scroll/outbound/site search tự động nhưng cần bật + verify; site search query cho insight content gap.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Data Streams > Enhanced measurement → bật scroll, site search, video, outbound click. Verify event xuất hiện trong Realtime.</p>	<input type="checkbox"/>	
[29]	●	<p>Microsoft Clarity (hoặc tương đương) cho heatmap + session recording?</p> <p>💡 Tại sao: GA4 cho "cái gì" (số), Clarity cho "tại sao" (xem user thật bấm/cuộn/rage-click). Clarity free.</p> <p>✅ Cách check: [Microsoft Clarity](https://clarity.microsoft.com/) cài + có recording. Xem rage click / dead click trên trang đích chính.</p>	<input type="checkbox"/>	
[30]	●	<p>Realtime + DebugView verify định kỳ (tracking không vỡ)?</p> <p>💡 Tại sao: deploy theme/plugin mới hay vỡ tracking âm thầm. Không ai phát hiện tới khi report tụt bất thường.</p> <p>✅ Cách check: Sau mỗi deploy lớn, mở GA4 Realtime + DebugView thực hiện 1 conversion → xác nhận vẫn fire đúng.</p>	<input type="checkbox"/>	
[31]	●	<p>AI bot / AI search referral được segment?</p> <p>💡 Tại sao: 2026 cần biết GEO có ra traffic không. ChatGPT/Perplexity referral lẫn trong "direct"/"referral" nếu không tách.</p> <p>✅ Cách check: GA4 tạo segment/exploration filter referrer chứa <code>chatgpt.com</code>, <code>perplexity.ai</code>, <code>gemini</code> → đo AI-sourced traffic + conversion. Bỏ trợ [bài GEO] (/claude-code-audit-geo-ai-search/).</p>	<input type="checkbox"/>	
[32]	●	<p>No duplicate / no PII trong custom event (QA cuối)?</p> <p>💡 Tại sao: rà soát cuối tránh event trùng tên/double-fire + PII lọt qua custom dimension.</p> <p>✅ Cách check: GA4 > Admin > Custom definitions + Debug-View toàn luồng chính 1 lượt; đối chiếu event count với hành động thực tế.</p>	<input type="checkbox"/>	

Critical 25 Entry Point

Nếu chỉ có 1 buổi (4-6 giờ) audit gấp: tick 25 check này trước. Cross-cluster (3 critical × 8 yếu tố Phần A + 1 wildcard) — cover ~70% impact ranking + legal risk reduction. Sau khi tick xong, chạy full 293 check site (Phần A) + 49 check Content (Phần B) cho từng bài khi có thời gian.

Ref	Yếu tố	Critical Check	<input type="checkbox"/>
1.1	Technical SEO	Site có file robots.txt không?	<input type="checkbox"/>
1.2	Technical SEO	robots.txt có lỗi cú pháp không?	<input type="checkbox"/>
1.3	Technical SEO	Có khai báo rule rõ ràng cho 6 bot quan trọng không?	<input type="checkbox"/>
2.1	Core Web Vitals	LCP p75 mobile < 2.5s ở CrUX field data?	<input type="checkbox"/>
2.2	Core Web Vitals	Hero image có <code><link rel="preload"></code> ưu tiên cao?	<input type="checkbox"/>
2.3	Core Web Vitals	Server response (TTFB) < 200ms p75?	<input type="checkbox"/>
3.1	Accessibility WCAG 2.2 + EAA	Mọi <code></code> non-decorative có <code>alt</code> attribute mô tả nội dung?	<input type="checkbox"/>
3.2	Accessibility WCAG 2.2 + EAA	Alt text mô tả ý nghĩa, không phải mô tả pixel?	<input type="checkbox"/>
3.3	Accessibility WCAG 2.2 + EAA	Color contrast text-on-background $\geq 4.5:1$ cho body text?	<input type="checkbox"/>
4.1	Security + GDPR + PDPD	Site serve HTTPS với HTTP redirect 301?	<input type="checkbox"/>
4.2	Security + GDPR + PDPD	TLS 1.2+ enabled, TLS 1.0/1.1 disabled?	<input type="checkbox"/>
4.3	Security + GDPR + PDPD	HSTS header với max-age ≥ 31536000 (1 năm)?	<input type="checkbox"/>
5.1	GEO + AI Search	Site có file <code>/llms.txt</code> root domain?	<input type="checkbox"/>
5.2	GEO + AI Search	llms.txt format markdown đúng spec (H1 + summary + H2 sections + links)?	<input type="checkbox"/>



Ref	Yếu tố	Critical Check	<input type="checkbox"/>
5.4	GEO + AI Search	Content body có markdown structure rõ (H2/H3 + bullet + code block)?	<input type="checkbox"/>
6.1	Backlinks	Total referring domains diverse + tăng trưởng 6 tháng?	<input type="checkbox"/>
6.2	Backlinks	Domain Rating (DR) hoặc Domain Authority (DA) trend tăng?	<input type="checkbox"/>
6.3	Backlinks	Link velocity natural (không spike bất thường)?	<input type="checkbox"/>
7.1	Brand Authority	Brand mention rate per month (10+ unique sources)?	<input type="checkbox"/>
7.5	Brand Authority	sameAs Organization schema 5+ verified link?	<input type="checkbox"/>
7.6	Brand Authority	Wikipedia entry / Wikidata entity exist?	<input type="checkbox"/>
8.1	Analytics + Conversion	GA4 property cài + tag load đúng 1 lần?	<input type="checkbox"/>
8.2	Analytics + Conversion	GTM container cài + không hardcode tag trùng?	<input type="checkbox"/>
8.3	Analytics + Conversion	Internal traffic + dev traffic được lọc?	<input type="checkbox"/>
1.4	Technical SEO	File CSS/JS có bị block trong robots.txt không?	<input type="checkbox"/>

Quick Win Top 25

High impact + low effort fix (3 Important × 8 spokes + 1 wildcard). Tick sau khi Critical 25 PASS. Mỗi quick win thường fix < 1 giờ với ROI 5-10× (boost CTR / fix Schema / patch alt text / config header). Schedule sprint 2-3 mỗi tuần.

Ref	Yếu tố	Quick Win + Tại sao	<input type="checkbox"/>
1.8	Technical SEO	Mỗi URL trong sitemap có `<lastmod` không? 💡 `<lastmod` cho Google biết khi nào page update, ưu tiên re-crawl content mới.	<input type="checkbox"/>
1.9	Technical SEO	Sitemap có ít hơn 50,000 URL không? 💡 Google chỉ accept sitemap ≤ 50k URL hoặc 50MB. Quá thì phải tách thành sitemap index.	<input type="checkbox"/>
1.10	Technical SEO	Site lớn (>50k URL) có dùng sitemap index không? 💡 Sitemap index = file `<sitemapindex>` link tới nhiều sitemap nhỏ. Cần thiết cho site e-commerce, news, programmatic SEO.	<input type="checkbox"/>
2.9	Core Web Vitals	HTTP/2 hoặc HTTP/3 enabled? 💡 HTTP/1.1 chỉ cho phép 6 connection song song mỗi domain → asset stack pile up. HTTP/2 multiplex unlimited stream, HTTP/3...	<input type="checkbox"/>
2.10	Core Web Vitals	Brotli compression enabled cho text response? 💡 Brotli compression nén HTML/CSS/JS 20% tốt hơn Gzip. Tiết kiệm 50-100KB cho page average, giảm 200-400ms trên 4G.	<input type="checkbox"/>
2.18	Core Web Vitals	CSS animation dùng GPU-accelerated property? 💡 animate `top/left/width` trigger layout recalc + repaint = expensive. Animate `transform/opacity` chạy GPU, không block ...	<input type="checkbox"/>
3.7	Accessibility WCAG 2.2 + EAA	Audio có transcript text alternative? 💡 podcast/audio file không text = user điếc miss content. Kèm theo transcript boost SEO indexing.	<input type="checkbox"/>
3.12	Accessibility WCAG 2.2 + EAA	Image text trong logo có text alternative? 💡 logo image chứa text "Acme Corp" = screen reader đọc "image" không có text. Cần alt="Acme Corp logo".	<input type="checkbox"/>
3.16	Accessibility WCAG 2.2 + EAA	Focus indicator không bị obscured bởi sticky header/footer? 💡 Tab xuống element bị sticky bottom navigation che → user không thấy focus location. WCAG 2.2 new 2.4.11.	<input type="checkbox"/>
4.6	Security + GDPR + PDPD	SSL certificate valid + auto-renew setup? 💡 cert expire = site down. Let's Encrypt 90-day, manual renew dễ quên. Cần Certbot auto-renew cron.	<input type="checkbox"/>
4.9	Security + GDPR + PDPD	Referrer-Policy: strict-origin-when-cross-origin?	<input type="checkbox"/>

Ref	Yếu tố	Quick Win + Tại sao	<input type="checkbox"/>
		💡 referrer header leak URL nội bộ ra 3rd-party. Strict-origin chỉ leak domain, không leak path.	
4.10	Security + GDPR + PDPD	Permissions-Policy với restrict default features? 💡 Permissions-Policy (formerly Feature-Policy) block camera/microphone/geolocation default. 3rd-party iframe không access ...	<input type="checkbox"/>
5.3	GEO + AI Search	Có `//lms-full.txt` cho deep content (optional nhưng giá trị)? 💡 `//lms-full.txt` chứa concatenated markdown của top page (10-50 page) để AI fetch 1 lần thay vì 50 lần. Reduce hallucina...	<input type="checkbox"/>
5.11	GEO + AI Search	BreadcrumbList schema cho nav structure? 💡 AI engine map content hierarchy + topic group. Breadcrumb signal page thuộc category nào.	<input type="checkbox"/>
5.12	GEO + AI Search	HowTo schema cho tutorial step-by-step? 💡 tutorial page có HowTo schema để được ChatGPT/Perplexity cite hơn cho query "how to X". Mặc dù Google deprecated 2023 ri...	<input type="checkbox"/>
6.4	Backlinks	Dofollow vs nofollow ratio 60-80% dofollow? 💡 Dofollow link pass authority, nofollow chỉ traffic signal. 100% dofollow = unnatural pattern (forum/comment spam thường ...	<input type="checkbox"/>
6.5	Backlinks	Total backlinks count + outreach pipeline track? 💡 Total backlinks số tuyệt đối cho context volume. Outreach pipeline tracking giúp velocity dự đoán + content marketing RO...	<input type="checkbox"/>
6.8	Backlinks	Generic anchor 15-25% (click here, read more, link)? 💡 Generic anchor natural cho citation + curation context. Quá thấp (<5%) = forced anchor pattern; quá cao (>40%) = low-qua...	<input type="checkbox"/>
7.2	Brand Authority	Brand sentiment positive > 70% mentions? 💡 Negative sentiment > 30% = reputation risk, AI cite mention warning. Monitor sentiment auto-classify positive/neutral/ne...	<input type="checkbox"/>
7.3	Brand Authority	Source authority distribution (high DR sources)? 💡 5 mention từ DR 70+ source > 50 mention từ DR < 20. Authority distribution quan trọng hơn raw count.	<input type="checkbox"/>
7.4	Brand Authority	Geographic distribution mention (target market focus)? 💡 Site VN target audience VN, mention 90% từ EU/US = misaligned market. Geographic distribution match target = healthy bra...	<input type="checkbox"/>
8.4	Analytics + Conversion	GA4 data retention set tối đa (14 tháng)? 💡 mặc định GA4 chỉ giữ 2 tháng event-level data cho exploration. Đổi lên 14 tháng để so trend year-over-year.	<input type="checkbox"/>
8.5	Analytics + Conversion	Cross-domain tracking cấu hình (nếu nhiều domain)? 💡 nếu funnel đi qua nhiều domain (vd checkout subdomain) mà không config, session bị cắt = conversion attribution sai.	<input type="checkbox"/>

Ref	Yếu tố	Quick Win + Tại sao	<input type="checkbox"/>
8.13	Analytics + Conversion	Server-side tagging cho event quan trọng?  ad-blocker + iOS chặn client-side tag, mất khoảng 10-30% data (ước tính, tùy tỷ lệ user dùng ad-blocker). Server-side (s...	<input type="checkbox"/>
1.13	Technical SEO	Page có meta robots tag không?  Default Google index mọi page found. Meta robots cho phép control granular per page (vd: page tag archive nên `noindex`)...	<input type="checkbox"/>



PHẦN B · CONTENT AUDIT (PER-ARTICLE)

Content Audit

Per-article loop: Setup + E-E-A-T + SEO + GEO + UX + Decay + Decision

49

check

18

 Critical

25

 Important

6

 Recommended

7 SUB-SECTION:

1. B.1 Setup + Quality + E-E-A-T (1-10)
2. B.2 SEO On-Page Optimization (11-16)
3. B.3 GEO + Citability AI Cite (17-23)
4. B.4 UX + Readability Scannable (24-28)
5. B.5 Content Decay + Refresh (29-33)
6. B.6 Decision + Prioritization (xương sống audit) (34-43)
7. B.7 Topic Cluster + Conversion (44-49)

B.1 Setup + Quality + E-E-A-T		(1-10 — 10 check)		
#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[1]	●	<p>Audit có goal rõ ràng (rankings / conversion / AI visibility)?</p> <p>💡 Tại sao: Audit không goal = liệt kê hàng trăm URL rồi không biết làm gì tiếp. Goal quyết định ưu tiên phần nào của checklist (recover ranking → tập trung performance + decay; conversion → tập trung ICP + CTA; AI visibility → tập trung GEO).</p> <p>✅ Cách check: Trước khi mở GSC, viết ra 1 câu goal chính. Nếu có nhiều goal, xếp thứ tự ưu tiên.</p>	<input type="checkbox"/>	
[2]	●	<p>Content inventory đầy đủ, crawl toàn site lấy URL status 200?</p> <p>💡 Tại sao: Không thấy thì không audit được. Đa số quy trình content audit quá sơ sài vì không pull đủ data, dẫn tới recommendation gây hại.</p> <p>✅ Cách check: Site < 100 bài export GSC Performance → Pages. Site > 100 bài dùng [Screaming Frog](https://www.screamingfrog.co.uk/) (free < 500 URL) hoặc Ahrefs Site Audit, export Internal HTML URLs status 200.</p>	<input type="checkbox"/>	
[3]	●	<p>Spreadsheet đủ field per-URL?</p> <p>💡 Tại sao: Quyết định Keep/Merge/Prune cần data đầy đủ, không thể đoán bằng cảm giác.</p> <p>✅ Cách check: Mỗi URL ghi: full URL, title, target keyword, GSC position (TB 3 tháng), sessions/tháng, impressions, CTR, ngày publish/update, số backlink, CTA y/n, conversion data (nếu track).</p>	<input type="checkbox"/>	
[4]	●	<p>Loại đúng scope khỏi audit?</p> <p>💡 Tại sao: Audit nhằm page hệ thống làm loãng kết quả + tốn thời gian.</p> <p>✅ Cách check: Bỏ ra ngoài scope: noindex pages, thank-you/confirmation pages, pricing/homepage (thuộc SEO audit riêng), press release/event one-off không định rank.</p>	<input type="checkbox"/>	
[5]	●	<p>Author byline visible + bio link?</p> <p>💡 Tại sao: Google + AI engine verify author entity. Bài no author = anonymous content, E-E-A-T Experience signal weak. Generic advice từ author vô danh bị bỏ qua; chuyên gia có credential thật được cite.</p> <p>✅ Cách check: Mỗi bài có byline + link tới author bio page. View source <code><meta name="author"></code> + Article schema author property.</p>	<input type="checkbox"/>	
[6]	●	<p>Content freshness datePublished + dateModified < 12 tháng?</p> <p>💡 Tại sao: Google ranking signal freshness, đặc biệt cho "year" intent query. Content > 12 tháng không update = down-rank.</p> <p>✅ Cách check: Article schema dateModified property. View source <code><time datetime="..."></code>. Update dateModified khi refresh thật (không chỉ touch).</p>	<input type="checkbox"/>	
[7]	●	<p>Topical depth ≥ 1500 words cho competitive niche?</p> <p>💡 Tại sao: Thin content là target Core Update. Depth 1500-3000w cho competitive niche (SEO, finance, health) là baseline.</p> <p>✅ Cách check: Word count tool. Niche less-competitive 800-1200w đủ; competitive ≥ 1500w. Benchmark theo competitor top 3.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[8]	●	<p>Citation count \geq 3 inline authority source link?</p> <p>💡 Tại sao: Authority signal + E-E-A-T Trustworthiness. AI engine verify claim qua inline source → cite content có source link.</p> <p>✅ Cách check: Count external link tới authority domain (.gov, .edu, Wikipedia, official site). Min 3 per article.</p>	<input type="checkbox"/>	
[9]	●	<p>First-person experience signal (case study, data, anecdote)?</p> <p>💡 Tại sao: E-E-A-T Experience boost. "Minh audit ongboit 170 bài thấy..." = signal mạnh hơn generic tutorial. Bài có gì chỉ-mình-mới-viết-được không (client example, framework tự phát triển, quan sát ngược đời)?</p> <p>✅ Cách check: Manual review intro + body có "mình/tôi/I" + ORIGINAL DATA reference không.</p>	<input type="checkbox"/>	
[10]	●	<p>AI detection risk < 50%?</p> <p>💡 Tại sao: Google penalize "scaled content abuse". Portfolio AI detect cao = manual action risk. Threshold safe < 50%.</p> <p>✅ Cách check: [Originality.ai](https://originality.ai/) batch scan, hoặc GPTZero, Copyleaks. Top traffic article ưu tiên < 30%.</p>	<input type="checkbox"/>	

B.2 SEO On-Page Optimization (11-16 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[11]	●	<p>Primary keyword in title + H1 + first 100 words?</p> <p>💡 Tại sao: Google parse 3 location này weight nhất. KW không xuất hiện = low relevance signal.</p> <p>✅ Cách check: View source <code><title></code> + first <code><h1></code> + first 100 words. Primary KW phải xuất hiện cả 3.</p>	<input type="checkbox"/>	
[12]	●	<p>Meta description 150-160 chars + CTA?</p> <p>💡 Tại sao: Không phải direct ranking factor nhưng impact CTR. Optimal 150-160 chars.</p> <p>✅ Cách check: View source <code><meta name="description"></code>. Char count + power word + CTA.</p>	<input type="checkbox"/>	
[13]	●	<p>H2 structure logical + 60%+ question format?</p> <p>💡 Tại sao: H2 question match user query intent. AI engine extract H2 làm answer summary, question H2 cite probability cao hơn.</p> <p>✅ Cách check: Count H2 questions (kết "?") / total H2. Target ≥ 60%.</p>	<input type="checkbox"/>	
[14]	●	<p>Internal links ≥ 3 outbound + 2 inbound + anchor relevance?</p> <p>💡 Tại sao: Internal link pass authority + topical relevance. Anchor text phải mô tả đúng đích, không phải "click here".</p> <p>✅ Cách check: Count internal link body. Verify inbound qua Ahrefs Internal backlinks. Check anchor có chứa keyword/mô tả target không. Phát hiện orphan page (0 inbound).</p>	<input type="checkbox"/>	
[15]	●	<p>Image alt text on every image + descriptive?</p> <p>💡 Tại sao: Accessibility + image SEO.</p> <p>✅ Cách check: View source <code></code> mỗi tag có <code>alt="..."</code> descriptive (not "image1.jpg").</p>	<input type="checkbox"/>	
[16]	●	<p>URL slug ≤ 75 chars + primary keyword?</p> <p>💡 Tại sao: Short slug improves CTR + Google parse keyword. URL dài bị truncate trong SERP.</p> <p>✅ Cách check: URL length + primary KW present. Avoid date/stop word trong slug.</p>	<input type="checkbox"/>	

B.3 GEO + Citability AI Cite (17-23 — 7 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[17]	●	<p>Definition-first sentence each H2 section?</p> <p>💡 Tại sao: AI extract first sentence H2 làm answer. "X là Y" = citation perfect.</p> <p>✅ Cách check: Audit 5-10 section đầu, sentence 1 có pattern "X là..." không. Target ≥ 60%.</p>	<input type="checkbox"/>	
[18]	●	<p>Block-level standalone (1-3 paragraph cite-able)?</p> <p>💡 Tại sao: AI cite nguyên block. Paragraph "as mentioned above" = AI skip.</p> <p>✅ Cách check: Đọc 3 paragraph random không context, standalone meaningful không.</p>	<input type="checkbox"/>	
[19]	●	<p>Stats inline source link (≥ 9 per article)?</p> <p>💡 Tại sao: AI verify stat qua source. Stats không link = AI skip.</p> <p>✅ Cách check: Grep stats (% , số) trong body. Mỗi stats có markdown link tới nguồn thật không. **Lưu ý**:: kiểm tra không còn placeholder URL chưa thay (lỗi hay gặp khi publish vội). Min 9 inline link.</p>	<input type="checkbox"/>	
[20]	●	<p>FAQPage schema cho FAQ section?</p> <p>💡 Tại sao: Google deprecated rich result nhưng AI engine vẫn cite FAQPage heavily. Microsoft Bing đã xác nhận dùng schema cho LLM.</p> <p>✅ Cách check: [Schema Validator](https://validator.schema.org/) → FAQPage với mainEntity array.</p>	<input type="checkbox"/>	
[21]	●	<p>robots.txt không chặn AI crawler?</p> <p>💡 Tại sao: Nếu robots.txt chặn GPTBot, ClaudeBot, PerplexityBot, Google-Extended thì mọi GEO work khác vô nghĩa, AI không đọc được. Nhiều site thêm rule chặn bot từ 2023 rồi quên.</p> <p>✅ Cách check: Mở yourdomain.com/robots.txt, tìm Disallow áp dụng cho AI crawler, gỡ cho page muốn discoverable.</p>	<input type="checkbox"/>	
[22]	●	<p>Article schema với author + datePublished + dateModified?</p> <p>💡 Tại sao: Map entity properties cho AI parsing. 3 properties mandatory cho E-E-A-T + freshness.</p> <p>✅ Cách check: Schema Validator nhập URL → Article type với 3 property.</p>	<input type="checkbox"/>	
[23]	●	<p>First 100 words include primary keyword + definition?</p> <p>💡 Tại sao: AI ưu tiên first 100 words làm summary. KW + definition front-loaded = citation higher.</p> <p>✅ Cách check: First paragraph có primary KW + 1 sentence definition không.</p>	<input type="checkbox"/>	

B.4 UX + Readability Scannable (24-28 — 5 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[24]	●	Sentence length avg 16-22 words? ⚡ Tại sao: Sentence > 30 words = AI compress sai meaning + reader skim miss. ✅ Cách check: [Hemingway Editor](https://hemingwayapp.com/) → avg sentence length. Sweet spot 16-22.	<input type="checkbox"/>	
[25]	●	Paragraph length < 120 words? ⚡ Tại sao: Wall of text = mobile reader bounce + AI khó parse từng block. ✅ Cách check: Break paragraph mỗi 2-4 sentence (3-4 sentence max cho AI extract).	<input type="checkbox"/>	
[26]	●	Bullet list 3-7 items per list? ⚡ Tại sao: AI extract list nguyên block. List 10+ bị truncate, list 1-2 không meaningful. ✅ Cách check: Refactor list > 7 thành 2 list hoặc table.	<input type="checkbox"/>	
[27]	●	TL;DR callout near top of article? ⚡ Tại sao: Cho scanning user value ngay + AI extract làm summary. ✅ Cách check: Article có TL;DR trong first 500 words, styled callout box.	<input type="checkbox"/>	
[28]	●	Stats Banner visual (4-card grid)? ⚡ Tại sao: Aggregate key numbers, scannable, AI parse easily. ✅ Cách check: Top section có 4-card grid stats, mỗi card 1 number + 1 source link.	<input type="checkbox"/>	

B.5 Content Decay + Refresh (29-33 — 5 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[29]	●	<p>GSC clicks trend last 90 ngày (no decline > 30%)?</p> <p>💡 Tại sao: GSC clicks trend = direct measure article health.</p> <p>✅ Cách check: GSC > Performance > filter by Page → clicks trend 90 ngày. Threshold alert: -30%.</p>	<input type="checkbox"/>	
[30]	●	<p>GSC impressions trend (no decline > 50%)?</p> <p>💡 Tại sao: Impressions reflect SERP visibility. Drop > 50% = rank position drop major.</p> <p>✅ Cách check: GSC Impressions metric, filter by page. Threshold: -50%.</p>	<input type="checkbox"/>	
[31]	●	<p>Ranking position GSC target query stable?</p> <p>💡 Tại sao: Drop position 3 → 8 = competitor catch up.</p> <p>✅ Cách check: GSC Position metric, track top 5 queries 90 ngày.</p>	<input type="checkbox"/>	
[32]	●	<p>Bài rank vị trí 4-20 có low CTR → fix metadata trước?</p> <p>💡 Tại sao: Bài rank 4-10 mà CTR < 1% = lỗi title/meta, không phải lỗi content. Vị trí tốt mà không ai click = headline yếu. Sửa title rẻ hơn rewrite nhiều.</p> <p>✅ Cách check: GSC filter position 4-20 + CTR thấp. Thử update title cụ thể/benefit-driven hơn trước khi rewrite.</p>	<input type="checkbox"/>	
[33]	●	<p>Content older > 18 tháng = refresh tier?</p> <p>💡 Tại sao: AI engine recency bias. Refresh tier: lightweight / medium / heavy.</p> <p>✅ Cách check: Schema dateModified > 18 tháng → flag. Categorize theo traffic + rank.</p>	<input type="checkbox"/>	

B.6 Decision + Prioritization (xương sống audit)

(34-43 — 10 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[34]	●	<p>Bài 6+ tháng mà < 50 sessions/tháng → flag review?</p> <p>💡 Tại sao: Ngưỡng cụ thể để flag underperformer thay vì cảm giác. Bài live lâu mà không traffic = candidate improve hoặc prune.</p> <p>✅ Cách check: Filter spreadsheet: ngày publish > 6 tháng AND sessions < 50/tháng. Đánh dấu review.</p>	<input type="checkbox"/>	
[35]	●	<p>Bài < 4 tháng tuổi → HOLD, không đụng?</p> <p>💡 Tại sao: Content cần 4-6 tháng build ranking momentum. Giết bài non là lỗi audit phổ biến nhất. Đa số page top 10 là page > 2 năm tuổi.</p> <p>✅ Cách check: Filter ngày publish < 4 tháng → để yên, chưa kết luận. Bài có backlink dù traffic thấp cũng giữ (link equity).</p>	<input type="checkbox"/>	
[36]	●	<p>Mỗi URL được gán 1 status: Keep / Improve / Merge / Prune?</p> <p>💡 Tại sao: Đây là trái tim của audit. Không gán status = không thực thi được.</p> <p>✅ Cách check: Cột "Decision" trong spreadsheet. Keep (rank 1-10, traffic ổn, có backlink, hoặc < 4 tháng). Improve (rank 4-20 sai intent → light update hoặc full rewrite). Merge (cùng keyword/intent, gộp). Prune (< 50 sessions 6+ tháng + 0 backlink).</p>	<input type="checkbox"/>	
[37]	●	<p>Bài Merge/Prune đã đặt 301 redirect?</p> <p>💡 Tại sao: Xóa trắng = mất link equity + tạo 404. Luôn 301.</p> <p>✅ Cách check: Mỗi URL merge → 301 về bài sống sót. Mỗi URL prune → 301 về category/homepage gần nhất.</p>	<input type="checkbox"/>	
[38]	●	<p>Cannibalization cùng intent đã xử lý?</p> <p>💡 Tại sao: 2 bài cùng keyword cùng intent → Google chọn sai, cả 2 tụt. Khác với topic liên quan (không sao). Bài "X vs Y" và homepage X là 2 intent khác, không cannibalize.</p> <p>✅ Cách check: Sort target keyword tìm trùng. <code>site:domain.com [keyword]</code> xem mấy URL của mình lên. Ahrefs Organic Keywords filter URL trùng top 20. Gộp bài yếu vào mạnh + 301.</p>	<input type="checkbox"/>	
[39]	●	<p>Scoring có ngưỡng cắt rõ?</p> <p>💡 Tại sao: Scorecard không ngưỡng = không actionable.</p> <p>✅ Cách check: Chấm 100đ theo E-E-A-T + depth + freshness + engagement + technical. Page < 60 → rework. Page < 40 → consolidate hoặc prune.</p>	<input type="checkbox"/>	
[40]	●	<p>Internal link trở về URL đã xóa/redirect đã dọn?</p> <p>💡 Tại sao: Sau merge/prune, link nội bộ cũ thành broken hoặc qua redirect chain.</p> <p>✅ Cách check: Crawl lại tìm link trở về URL đã redirect → update trở thẳng đích mới.</p>	<input type="checkbox"/>	
[41]	●	<p>Prioritize theo Impact vs Effort matrix?</p> <p>💡 Tại sao: Hàng trăm task → lao đầu vào = burnout. Cân gain vs resource.</p> <p>✅ Cách check: Xếp task vào 4 ô. Quick Win (impact cao/effort thấp): title tag, internal link bài ket page 2 → làm trước. Major Project (impact cao/effort cao): rewrite lớn → lên kế hoạch.</p>	<input type="checkbox"/>	

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[42]	●	<p>Status mở rộng: tách Expand / Rewrite / Deindex?</p> <p>💡 Tại sao: Bản 6-status chi tiết hơn 4-bucket. Deindex = hữu ích cho user nhưng không hợp search / quá gần bài chính (giữ page, noindex).</p> <p>✅ Cách check: Mở rộng cột Decision: Keep / Expand (thiếu section) / Rewrite (sai intent) / Merge / Deindex / Delete.</p>	<input type="checkbox"/>	
[43]	●	<p>Có cập nhật publish date khi rework lớn?</p> <p>💡 Tại sao: Rework > 50% bài = version mới trên cùng URL, nên update date hoặc hiển thị "last updated".</p> <p>✅ Cách check: Nếu rewrite section lớn / đổi structure / đổi positioning → update dateModified + visible timestamp.</p>	<input type="checkbox"/>	

B.7 Topic Cluster + Conversion

(44-49 — 6 check)

#	TIER	CHECK ITEM	<input type="checkbox"/>	NOTES
[44]	●	<p>Map bài vào topic cluster + phát hiện cluster phình/loãng?</p> <p>💡 Tại sao: Content audit nên đặt trong khung topical authority. Theo thời gian cluster phình với bài cũ, thin, cannibalize → loãng authority + tốn crawl budget.</p> <p>✅ Cách check: Map mỗi bài vào 3-5 core cluster (pillar + spoke). Phát hiện cluster nào quá nhiều bài chồng chéo.</p>	<input type="checkbox"/>	
[45]	●	<p>Content gap, cluster thiếu spoke nào competitor có?</p> <p>💡 Tại sao: Không chỉ word count, mà sub-topic nào competitor cover mà mình thiếu.</p> <p>✅ Cách check: So sánh cluster mình vs competitor top 3. List spoke còn thiếu → backlog viết mới.</p>	<input type="checkbox"/>	
[46]	●	<p>ICP alignment, ai search keyword này, buyer hay người tò mò?</p> <p>💡 Tại sao: Chỗ rò rỉ lead nhiều nhất. Bài rank nhưng sai audience = traffic vô ích. Bài speak đúng tình huống của ICP hay generic advice ai cũng dùng được?</p> <p>✅ Cách check: Với bài flagged, hỏi: ai thực sự search keyword này, họ là buyer của mình không? Có product context không?</p>	<input type="checkbox"/>	
[47]	●	<p>CTA khớp funnel stage của reader?</p> <p>💡 Tại sao: Bài top-funnel đừng ép "book demo", dùng newsletter/download. Bài bottom-funnel (comparison, alternatives, pricing) mới đẩy mua/demo.</p> <p>✅ Cách check: Mỗi bài map funnel stage → CTA tương ứng. Bài bottom-funnel mà không convert → soi lại CTA placement + positioning.</p>	<input type="checkbox"/>	
[48]	●	<p>Conversion attribution per-URL trong GA4?</p> <p>💡 Tại sao: Chỉ ~10% bài convert trực tiếp là bình thường, phần còn lại build awareness + nuôi reader + support bài convert qua internal link. Nhưng bài bottom-funnel bắt buộc phải convert.</p> <p>✅ Cách check: GA4 check conversion event (demo, trial, contact) attribute tới blog URL nào. Bài money-page không convert → priority fix.</p>	<input type="checkbox"/>	
[49]	●	<p>llms.txt + GA4 LLM traffic tracking?</p> <p>💡 Tại sao: llms.txt tóm tắt page quan trọng cho AI prioritize. GA4 không tự phân loại traffic ChatGPT/Perplexity/Claude.</p> <p>✅ Cách check: Set up llms.txt. GA4 custom exploration với regex filter Session source/medium bắt traffic AI tool.</p>	<input type="checkbox"/>	

Sau khi tick xong checklist, làm gì tiếp?

1. **Critical findings** → **fix tuần này**: ưu tiên ● Critical chưa pass. Blocker rank Google hoặc legal risk EAA/PDPD/GDPR. Document fix + verify trong 7 ngày.
2. **Quick Win Top 25** → **fix sprint 2-3 mỗi tuần**: ● Important impact velocity. Schedule trong 30 ngày.
3. **Important findings còn lại** → **fix trong 30-60 ngày**: backlog quarterly review.
4. **Recommended** → **backlog quarterly**: ● nice-to-have. Plan v2/v3 roadmap.
5. **Re-audit cadence**: dùng table ở How to use page 3. Site nhỏ quarterly, agency per-client monthly.

Muốn audit tự động 90-120 phút thay vì 10-15 giờ manual?

Kit **claude-growth v0.13.4** ship Q3 2026 (target tháng 9). Beta build từ v0.14.0 (2026-06-15) cho waitlist.

Lifetime **30% off** + free 1-site audit demo Zalo/Meet cho early access.

ongboit.com/kit-waitlist

kit private v0.13.4

zero open P0/P1 gaps

Phần A 293 site + Phần B 49 content

CC BY 4.0 license

PDF v1.3 — 2026-05-31

Master Checklist Version: v1.3 (2026-05-31) — 2-part split (Phần A Site Audit 293 + Phần B Content Audit 49) + Analytics yếu tố mới

Source articles: 9 spokes (Audit Website Q2 2026 cluster) tại ongboit.com — Phần A 8 yếu tố site + Phần B Content per-article

Kit version verified: claude-growth v0.13.4 (zero open P0/P1 gaps post 2026-05-30)

License: Creative Commons BY 4.0 (free share + attribute "ongboit.com")

Update frequency: Quarterly post kit version bumps hoặc new spoke shipped

Contact: ongboit.com | hello@ongboit.com